CK.0000065233

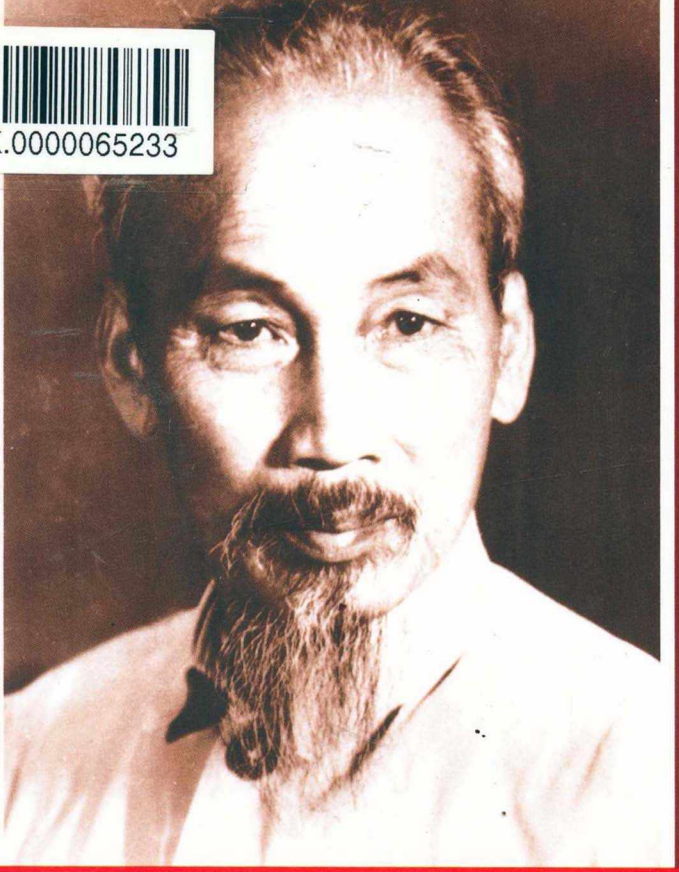

TRIẾT HỌC VĂN HÓA TRONG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

NGUYÊN
ỌC LIỆU
46

GS.TS. HỒ SĨ VỊNH

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

GS. TS. HỒ SĨ VỊNH

TRIẾT HỌC VĂN HOÁ
TRONG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

(Hưởng ứng cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh)

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Lời mở

TRIẾT HỌC VĂN HÓA - MỘT TIỀM NĂNG - MỘT NỘI DUNG CỦA TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN

Theo định nghĩa của *Bách khoa thư triết học* (Mátxcơva, 1970), triết học văn hóa được sử dụng trong triết học phương Tây với nhận thức về *bản chất* và *ý nghĩa* của các sự kiện văn hóa. Vào những năm 80 thế kỷ XX, những vấn đề triết học văn hóa được các nhà khoa học Xô Viết ứng dụng và phát triển theo quan điểm mácxít. Người ta thường thảo luận, lật trở hai vấn đề cơ bản: Cái gì kiến tạo nên văn hóa với tư cách là một chỉnh thể, cấu trúc của nó là gì? Mục đích, sứ mệnh, ý nghĩa của văn hóa, của từng hình thái và hiện tượng văn hóa nằm ở đâu? Đây là những vấn đề vừa lý luận vừa lịch sử, có nội hàm rộng. Nghiên cứu các bài nói, bài viết, thơ - văn, chính luận, tiểu luận của Hồ Chí Minh, chúng tôi rút ra nhiều bài học

về văn hóa học, về phương pháp luận lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật.

I. BẢN CHẤT CỦA VĂN HÓA LÀ HÒA HIẾU

Hòa hiếu là triết lý của phát triển được hiện diện qua nhiều thời đại, ở nhiều nền văn hóa. Trong thời đại chúng ta, khi mà thế giới chịu sự tác động của tính toàn cầu tạo nên một bức tranh nhiều mảng màu đối nghịch: một cực là các công ty độc quyền xuyên quốc gia và nhóm nhỏ nước giàu áp đặt, cưỡng đoạt các nước nghèo trong nhiều thập kỷ qua không đem lại thịnh vượng như đã hứa; còn cực kia là một nửa dân số sống trong nghèo khổ. Một tỷ người thất nghiệp hay thiếu việc làm tại hầu hết các nước. Khoảng 3 tỷ người thiếu nước,... Từ đó, những ý niệm về phát triển trái ngược nhau: sự tập trung về kinh tế, thương mại, mậu dịch, bảo vệ môi trường, chống khủng bố... nhưng lại phân chia về chính trị, văn hóa, tôn giáo. Có ba nhân tố để bênh vực cho sự hiện diện và sự can thiệp của tác nhân hòa giải đối với phát triển: khoảng cách về các giá trị cơ bản giữa văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây; sự khác biệt về văn hóa, về tôn giáo sinh ra sự khác biệt về chính sách thương mại, kinh doanh, bảo vệ môi trường; sự tiến bộ của xã hội không thể chỉ đo bằng trình độ công nghệ, mức sống mà còn bằng những chuẩn mực đạo đức, sự ổn định chính trị, sự tự do tôn giáo.

Lịch sử Việt Nam chỉ ra rằng, văn hóa hòa hiếu là một giá trị thực, có truyền thống lâu đời của cộng đồng đa dân tộc. Ý thức tự cường, lòng tự hào dân tộc không chỉ là động lực của con người mà còn là một nguồn lực nội sinh, một chiều cao văn hiến giữ nước. Dẫu vậy thì "Gươm núi Sóc, cọc Bạch Đằng" là chuyện bất đắc dĩ. Ở thế kỷ XV, Lê Lợi, Nguyễn Trãi trước, sau vẫn dùng chính sách "tâm công" để đối xử với các nước lớn:

Sửa hòa hiếu cho hai nước,
Tắt muôn đời chiến tranh...
Chỉ cần vẹn đất, cốt sao an ninh.

(Phú núi Chí Linh)

Âm hưởng đó ta đọc được trong *Bình Ngô đại cáo: Rút cục, lấy đại nghĩa mà thắng hung tàn; Lấy chí nhân mà thay cường bạo,* hoặc: *Ta mưu đánh vào lòng, không chiến mà cũng thắng*[1].

Truyền thống đó còn tìm thấy ở thời đại Quang Trung, nơi hội tụ nhiều hiện tượng văn hóa rực rỡ. Chính sách *hòa hiếu* không chỉ là sách lược, mà còn là bản chất của chế độ chính trị. *Chiếu dụ các quan văn võ cựu triều, Chiếu cầu hiền* là những thông điệp ngoại giao mềm dẻo,

(1) Xem: *Nguyễn Trãi - Thơ và đời,* NXB Văn học, Hà Nội, 1997, tr. 242 - 249.

thu phục lòng người. Chính sách *hòa hiếu* cùng với đường lối *dân vi bản (Chiếu lên ngôi)*, tư tưởng *nhân nghĩa* là hợp với ý trời, thuận lòng người, làm cho dân đời đời thái bình là phương lược nhìn xa trông rộng, để ở bên cạnh nước lớn mà vẫn yên ổn.

Trong thời đại Hồ Chí Minh, nhân dân ta mà trước tiên là các nhà hoạch định chiến lược vĩ mô đã có ý thức tiếp thu có sáng tạo truyền thống hòa hiếu của cha ông. Nhiều nhà tư tưởng phương Tây cho rằng, Việt Nam thắng được hai đế quốc to là nhờ biết dựa vào chiều dày truyền thống văn hóa, điều mà kẻ thù xâm lược không hình dung nổi. Điều đó đúng. Chúng ta biết phát động chiến tranh tự vệ, biết đánh thắng và biết kết thúc chiến tranh. Chúng ta còn biết tạo ra những điều kiện để hòa hiếu, nếu cần. Ở đây, tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc hòa giải là hết sức minh bạch: chấp nhận đối thoại giữa các chính kiến; khoan hồng đại độ đối với kẻ thù khi đã thua trận; rộng lượng, khoan hồng đại độ đối với mọi tầng lớp nhân dân; chính sách đại đoàn kết với các dân tộc anh em; tôn trọng sự tự do tôn giáo và tín ngưỡng; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đạo đức Hồ Chí Minh và việc tiếp nhận Nho, Phật, Đạo diễn ra như thế nào? Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng, song những điều

hay trong đó thì ta nên học"[1]. Đối với Phật và Đạo giáo, Người cũng có những kiến giải tương tự. Theo tôi, *đạo lý dân tộc* chính là cơ sở để Hồ Chí Minh tiếp nhận những mặt tích cực của tam giáo vừa nói. Nho giáo là triết học nhập thế, chủ trương mọi người ai cũng phải lấy tu nhân làm gốc, đề cao học vấn, lễ giáo, truyền thống trọng học, trọng tài. Phật giáo tuyên ngôn: từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, coi trọng nếp sống đạo đức, trong sạch, làm điều thiện, tránh điều ác, đề cao lao động. Đạo giáo khuyên con người sống cao thượng, không màng lợi ích vật chất, vì một chủ nghĩa nhân văn tiến bộ. Sống giữa thiên nhiên làm cảm hứng sáng tạo,... đó là đạo đức Hồ Chí Minh nhờ ảnh hưởng Đạo giáo.

Nói đến bản chất của nền văn hóa, các nhà văn hóa sử thường tìm đến đặc trưng bền vững. Còn cấu trúc thì phải đi tìm những nhân tố mở, động, uyển chuyển. Chúng khác nào những lớp phù sa bồi đắp dòng chảy văn hóa dân tộc từ đời này sang đời khác tạo nên bản sắc, bản lĩnh, cốt cách của nền văn hóa đó. Phải mất nhiều năm, qua kiểm nghiệm thực tiễn trong nước và trên thế giới, chúng ta mới chọn được mô hình động của nền văn hóa hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, mà cấu trúc có thể gồm bốn đặc trưng sau:

(1) (2) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, t.6, tr.46.

1. Nền tảng tư tưởng triết học phù hợp với xu thế thời đại. Nền văn hóa Việt Nam từ sau *Đề cương văn hóa năm 1943* được xây dựng trên cơ sở triết học - mỹ học Mác - Lênin với ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng; về sau là ba nội dung: dân tộc, hiện đại, nhân văn đã tạo nên một cấu trúc động hướng về phía trước. Có người nói: chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc về nền văn hóa đương đại. Ở đây có sự gặp gỡ kỳ diệu giữa chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc mà biểu tượng người công dân số một là Hồ Chí Minh.

2. Nền văn hóa bao chứa những giá trị bền vững của truyền thống dân tộc được phát huy theo giá trị chân, thiện, mỹ. Một trong nhiều giá trị cốt lõi của văn hóa Việt Nam là truyền thống *tôn trọng con người*, tôn vinh những người có đức độ, tài năng. Không phải ngẫu nhiên mà người xưa gọi các văn nhân, kẻ sĩ, danh nho là hiền tài là chữ *nhân*, "nhân tâm thế đạo". Nếu như văn chương là sự nghiệp của nghìn đời (*Văn chương thiên cổ sử* như câu thơ của Đỗ Phủ) thì đối với mỗi kẻ sĩ phải tôn trọng bốn cái gốc để lập thân: *đức hạnh, chính sự, ngôn ngữ, văn chương.* Văn hóa chính là sự chưng cất những phẩm chất, đạo đức, trí tuệ của con người. Triết lý "phi trí bất hưng" chính là ở đó.

3. Nền văn hóa có số đông dân đạt trình độ, học vấn khá; trình độ dân trí cao; kỹ năng công nghệ đủ sức

phát triển kinh tế - xã hội. Ở hai bình diện sau, hiện nay có nhiều hiện tượng đáng lo ngại: tâm lý vọng ngoại vô cớ của một bộ phận thanh thiếu niên; kiến thức về luật pháp nói chung và về luật lệ giao thông còn kém; văn hóa ứng xử nơi công cộng, thị hiếu nghệ thuật lành mạnh, các giá trị truyền thống,... chưa được nhiều người dân coi trọng. Nhiều con em các dân tộc không biết tiếng dân tộc mình, thờ ơ hát múa làn điệu dân tộc, ngại ngùng mặc y phục dân tộc trong dịp lễ hội. Tất cả thực trạng vừa nêu đang đòi hỏi hàng loạt biện pháp nâng cao việc đào tạo nguồn nhân lực.

4. Nền văn hóa được hiện đại hóa. Có thể có ba nội dung:

a) Mục tiêu của văn hóa là xây dựng con người Việt Nam có tư tưởng tiến bộ, đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh. Đó là *con người văn hóa*, là động lực và mục tiêu của phát triển. Mọi hoạt động sáng tạo văn hóa phải làm dày lên lớp văn hóa nhân bản, làm mỏng dần lớp văn hóa phi nhân tính.

b) Coi trọng đúng mức những giá trị tinh thần, giá trị văn hiến dân tộc. Hiện đại hóa văn hóa chỉ có thể đi vào cuộc sống suôn sẻ, khi triệu triệu con người lao động biết tìm hiểu, khám phá, đi sâu vào biển kiến thức của nhân loại. Nhiều dự báo cho biết, ở thế kỷ XXI, trí thông minh,

sức tưởng tượng và tri thức của con người vẫn tiếp tục quan trọng hơn máy móc.

c) Trong văn hóa, để hiện đại hóa được thực hiện cần đổi mới công nghệ in, công nghiệp giấy, thiết bị điện ảnh, thông tin đại chúng, xây dựng các thiết chế tầm quốc gia, quốc tế. Hàng đầu của quá trình hiện đại hóa còn là *môi sinh văn hóa.* Trung tâm của chính sách văn hóa là con người, là đội ngũ trí thức; và bởi vì, văn hóa nói cho cùng là quang phổ hoạt động của con người, mà người đại diện cho văn hóa dân tộc là giới trí thức đóng vai trò nòng cốt.

II. Ý NGHĨA TRIẾT HỌC VĂN HÓA QUA MẤY HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC CỦA BÁC HỒ

Lịch sử văn học là phân hệ của lịch sử văn hóa. Văn học của một chế độ nhất định được quy định về mặt lịch sử các hiện tượng văn học, các tác phẩm, các giai đoạn và mọi giá trị văn học diễn ra trong thời kỳ đó. Trên thế giới chưa ai lấy một niên biểu văn học làm cột mốc để phân kỳ lịch sử văn học. Văn hóa trong trường kỳ lịch sử là dòng thác sáng tạo và thích nghi chảy suốt, có bên lở, bên bồi. Nếu giai cấp thống trị tiến bộ thì nền văn học dân tộc đã có bến bờ chở nặng phù sa bồi đắp cho các tầng sâu văn hóa. Còn văn học dưới cái gậy chỉ huy của những tên bạo chúa thì văn học của dân tộc đó sẽ bị tha hóa.

Người ta nói văn học triết luận hơn lịch sử được thể hiện ở những tuyên ngôn của tác giả, ở phát ngôn tổng kết của nhân vật, ở *hình tượng* tác phẩm. Nhà viết sử ghi lại trung thực những hiện tượng xảy ra trong quá khứ dưới dạng từng phần, có lúc, có nơi đầy ắp sự kiện, nhân vật, số liệu, không có gì toàn vẹn và gắn bó với nhau cả; phải tinh lắm mới thấy được mối liên hệ giữa chúng. Còn nhà văn viện dẫn lịch sử qua sự chọn lọc, khái quát hóa, sắp xếp những cái vốn rời rạc, thúc đẩy mối liên hệ xã hội giữa các nhân vật với mục tiêu sau cùng là tìm được triết học văn hóa của các hiện tượng xã hội - lịch sử.

Ví dụ thứ nhất: Trong thơ Hồ Chí Minh, bản sắc văn hóa được thể hiện trong sáng và thấm đượm trong hệ thống thi pháp của Người, mà một trong những đặc trưng đó là tinh thần yêu thiên nhiên lai láng. Tôi đã làm một cuộc khảo sát nhỏ ở một tập thơ Hồ Chí Minh (xuất bản 1975), trong số 84 bài thơ thì có hơn nửa nói về thiên nhiên. Cảm hứng khi đứng trước thiên nhiên của Người bắt nguồn từ triết lý phương Đông: *thiên, địa, nhân*. Con người sống, hành động, phát triển không thể không gắn bó với thiên nhiên. Suốt đời Người theo đuổi một triết lý sống cao thượng, không màng danh lợi và của cải vật chất, sống gần gũi với thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm cảm hứng sáng tạo. Trong thơ Người có mặt nhiều cảnh đẹp của thiên nhiên Việt Nam: Pác Bó hùng vĩ, cảnh rừng Việt Bắc, đêm đi thuyền trên

sông Đáy,...; có trăng nhòm cửa sổ, có chim rừng vào cửa đậu, có cảnh chơi trăng, có mặt trời đỏ và nhành hoa mai,... Ngay cả một hòn đá, trước mắt Người cũng trở nên sinh động, Người liền nghĩ ngay tới triết học sức mạnh của dân tộc: *Hòn đá to/ Hòn đá nặng/ Nhiều người nhấc/ Nhấc lên đặng/ Biết đồng sức/ Biết đồng lòng/ Việc gì khó/ Cũng làm xong.* Ý nghĩa triết học thực tiễn là ở đó.

Ví dụ thứ hai: Trong văn nói, văn viết của Bác thường giản dị, thuần phác, nhưng chất chứa nội dung hàm súc, thâm hậu thường đưa đến những châm ngôn đối nhân xử thế, mang ý nghĩa minh triết Việt: Chuyện *Học để làm người* (1949) là triết lý giáo dục mới, bắt nguồn từ triết học nhân bản của Feuerbach; phong trào trồng cây gây rừng là nảy sinh triết lý *thiên nhân hợp nhất*; phong trào nêu gương người tốt việc tốt là xuất phát từ triết học biện chứng: từ *văn hóa hiểu biết* (học vấn) đến *văn hóa được giáo dục (ứng xử)*.

Phần thứ nhất

TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN TRONG QUAN NIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH

I. PHÉP BIỆN CHỨNG GIỮA BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ GIÁ TRỊ NHÂN LOẠI TRONG NGHỆ THUẬT CỦA HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói và viết về nghệ thuật không nhiều. Sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chế độ mới choán hết tâm trí và hành động của Người. Tuy vậy, những gì còn lại qua những trang viết trực tiếp hay gián tiếp của Người về nghệ thuật của cha ông ta, đặc biệt là về phương pháp luận và quan điểm lịch sử cụ thể của Người, được coi là những cơ sở quan trọng để khảo sát nghệ thuật truyền thống dân tộc.

1. Có một phép biện chứng độc đáo

Ở tư tưởng Hồ Chí Minh, phép biện chứng đã trở thành công cụ để nhận thức và cải tạo thế giới. Người nhắc

cán bộ phải coi trọng việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin. Đó là những chân lý phổ biến, nhưng khi áp dụng vào thực tiễn Việt Nam thì phải sáng tạo, học để làm, lý luận phải đi đôi với thực tiễn. Từ chuyện to như xây dựng đường lối cách mạng đến chuyện nhỏ như ứng xử hàng ngày với nhau đều phải có lý, có tình. Trong sáng tạo nghệ thuật, Bác chưa bao giờ dùng chữ *phải* (miêu tả cho *hay*, cho *chân thật*, cho *hùng hồn*...), vì sáng tạo nghệ thuật là tự nguyện, tối kỵ sự cưỡng bức, là đòi hỏi quá trình nuôi dưỡng cảm hứng chủ đạo, sự lựa chọn đề tài, thi pháp, phong cách... tóm lại là sự tôn trọng cá tính sáng tạo của nghệ sĩ. Còn trong lĩnh vực nghiên cứu, khảo sát thì cách tiếp cận của Bác có phần nguyên tắc.

Tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ II (1957), sau khi hỏi những người phụ trách về việc khai thác vốn truyền thống dân tộc, Bác nhắc: "Có *trước* mới có *sau*, có *cũ* mới có *mới*, nhưng *không nên* nệ cổ. Bây giờ là thời đại cách mạng, *phải nhanh, phải cải cách*"[1]. Về sau, mỗi lần gặp các nghệ sĩ, Bác đều không quên câu chuyện bảo tồn giá trị của nghệ thuật dân tộc. Năm 1963, nhân đến thăm triển lãm mỹ thuật, Bác nhắc nên nghiên cứu sao cho tranh sơn mài giữ được độ bền, cố gắng duy trì nghệ thuật khảm trai,

(1) *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, NXB. Văn học, Hà Nội, 1995, tr.239, 309.

vì nó vốn là nghệ thuật cổ truyền của cha ông, *phát triển nó lên*[1].

Vì sao Bác Hồ quan tâm đến bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc đến vậy? Vì đó là những công đoạn quan trọng nằm trong quá trình tiến hành quy luật kế thừa nghệ thuật dân tộc. Cơ chế kế thừa trong nghệ thuật hoàn toàn khác cơ chế kế thừa trong sinh học. Nó phức tạp hơn nhiều, liên quan tới nhiều công đoạn khảo sát, nhiều bộ môn khoa học: sưu tầm, chỉnh lý, văn bản học, chuyển thể, cách tân. Đó là chưa kể đến những chủ thể khảo sát và sáng tạo bao gồm nhiều thế hệ, được đào tạo và hình thành không giống nhau, xuất thân từ nhiều địa phương khác nhau in đậm dấu ấn sắc thái *văn hóa vùng*,... Bác Hồ có một câu nói vừa mang ý nghĩa đánh giá vừa như lời dặn dò những người làm nghệ thuật thông qua hai nghệ sĩ tuồng bậc thầy Nguyễn Nho Túy và Ngô Thị Liễu "Nghệ thuật tuồng hay đấy! Nhưng phải phát triển, đừng giẫm chân tại chỗ, chớ gieo vừng ra ngô"[2]. Câu này có bốn ý chính làm nổi rõ tiến trình bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc:

- *Nghệ thuật tuồng hay đấy!* Khẳng định giá trị thẩm mỹ, vốn là đặc trưng cơ bản của "tác phẩm nghệ thuật".

---

(1) *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, NXB. Văn học, Hà Nội, 1995, tr.239, 309.

(2) *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995, tr. 239, 309. Bác Hồ với văn nghệ sĩ, Sđd, tr. 235.

- *Nhưng phải phát triển*: nguyên lý bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc với một hệ thống nối tiếp nhau, bổ sung cho nhau: sưu tầm, lưu giữ, chỉnh lý, thử nghiệm, biểu diễn, giáo dục, quảng bá tri thức của loại hình cho công chúng mới.

- *Chớ gieo vừng ra ngô*: nguyên lý cải biên, cách tân, trên cơ sở tri thức và tài năng sáng tạo, nhu cầu và thị hiếu của lớp công chúng mới.

Phép biện chứng trong quan hệ đối với văn nghệ được Bác Hồ vận dụng linh hoạt, nhưng chỉ trên cơ sở đặc thù nghệ thuật. Để phản ánh cuộc sống mới, con người mới một cách chân thật, hùng hồn, có tính người, Bác yêu cầu mô tả cho *hay* (hoặc cho *đẹp*, cho *khéo*)[1].

Trong nhiều thành tích của văn công ta vào những năm sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, Bác khen các nghệ sĩ biết mặc đẹp, hát hay, múa khéo. Qua những câu này, Bác lưu ý những nhà sáng tạo và những người thưởng thức nghệ thuật chú ý hàng đầu tới chức năng thẩm mỹ. Nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật, thơ cho ra thơ, kịch cho ra kịch. Nói như vậy không có nghĩa là phi chính trị. Phẩm chất chính trị cao nhất trong sáng tạo chính là nghệ sĩ phải có tác phẩm hay, đẹp. Thật đúng chỗ khi

(1) Hồ Chí Minh: *Tuyển tập văn học*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995, tII, tr.340.

nhắc đến đoạn hồi ký của nữ nghệ sĩ Ngô Thị Liễu ghi lại cảm xúc thẩm mỹ tinh tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi xem vở tuồng *Chị Ngộ*: "Khi diễn lớp chị Ngộ bị giặc bắt, buộc phải ôm đầu anh Tài quẳng xuống cống, tôi nhìn thấy Bác chống tay lên cằm nghiêng đầu cúi xuống. Tôi lo lo... Bác nói với đồng chí ngồi cạnh rằng, thấy giặc quẳng đầu đồng chí mình như vậy, Bác đau nhói trong tim không chịu nổi, lời nói đó làm chúng tôi giật mình, nhìn kỹ lại, khiến ai cũng ghê sợ lớp tuồng đó. Từ đấy, không ai có thể diễn nổi lớp đó nữa, và từ đấy lớp đó được cắt bỏ"[1]. Cắt bỏ là phải, vì lớp đó sa vào bãi cỏ hoang dại của chủ nghĩa tự nhiên. Nghệ thuật có trăm nghìn cách nói, phương thức chuyển tải nội dung, nghệ thuật có thể phóng to hoặc thu nhỏ, nhưng nghệ thuật chân chính thật xa lạ với lối sống sao chép thiếu sự khái quát và điển hình hóa.

Trong quan hệ với nghệ thuật của các dân tộc khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm được lôgíc biện chứng giữa *cái dân tộc* và *cái quốc tế*. Đến dự khai mạc Hội nghị văn hóa toàn quốc ngày 24-11-1946, Người nói câu nổi tiếng: "Phải phát triển hết *cái hay, cái đẹp* của dân tộc, tức là cùng đi tới chỗ nhân loại"; "Chúng ta không chịu vay mà

(1) Xem: *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Sđd, tr. 235.

không trả"[1]. Hơn mười năm sau, tại Hội nghị Cán bộ văn hoá ngày 28 - 2 - 1957, Người lại nhắc: "Việc phát huy vốn cũ quý báu của dân tộc (nhưng tránh phục cổ một cách máy móc) và việc học tập văn hóa tiên tiến của các nước (trước hết là các nước bạn) chưa làm được nhiều"[2]. Nói chuyện với vợ chồng nhà văn, dịch giả người Đức và Irênê Phabe nhân dịp *Truyện Kiều* được xuất bản ở nước Đức, Bác Hồ nói: "Những người cộng sản chúng ta rất quý trọng di sản cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ bắt nguồn từ ngọn núi di sản cổ điển. Càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin, càng phải coi trọng những truyền thống dân tộc của cha ông"[3]. Như vậy, *cái dân tộc* và *cái quốc tế* trong nghệ thuật là hai dòng suối gặp nhau ở một thung lũng, là hai cánh của con chim đại bàng, mà thiếu một thì không có cuộc bay như một nhà thơ lớn Xô Viết đã từng ví von. Có điều, cái dân tộc là gốc, là bản sắc, là bản lĩnh.

2. Quan điểm lịch sử cụ thể trong khảo sát, đánh giá các hiện tượng nghệ thuật

Nghệ thuật là sự chưng cất mọi giá trị của dân tộc và của nhân loại, là sự trầm tích các lớp tri thức của nhiều

(1) *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*, Sđd , t.II, tr.384.

(2) *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*, Sđd, t.II, tr.384.

(3) *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, Sđd, tr. 421.

thời đại, của trăm nghìn khuynh hướng, vừa là sự cách tân không ngừng các giá trị cho phù hợp với nhu cầu của thời đại. Hiểu như vậy thì tính bao dung văn hóa, văn hóa không so chấp hận thù, văn hóa tôn trọng sự khác biệt về bản sắc,... giúp chúng ta hiểu được những luận điểm của V.I.Lênin về tiếp nhận một phần văn hóa tư sản, những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự hòa đồng văn hóa. Ngay từ năm 1908, Lênin viết: "Tôi cho rằng, người nghệ sĩ có thể tìm thấy cho mình nhiều điểm có lợi trong bất cứ triết học nào". Cũng từ rất sớm, Hồ Chí Minh viết: "Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo của Giêsu có ưu điểm là lòng ưu ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện của nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu cầu hạnh phúc cho loài người, mưu cầu hạnh phúc cho xã hội... Tôi cố gắng là người học trò của các vị ấy"[1]. Trên đây không phải là sự hợp lưu vô nguyên tắc hay là con số cộng của chủ nghĩa chiết trung, mà là hiện tượng hòa đồng văn hóa của thời đại. Những hạt nhân hợp lý của các triết thuyết

(1) Xem: Phan Văn Các: *Nho giáo xưa và nay*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.

sẽ tồn tại, khi chúng ta biết "phát triển nó; không phải là thay nó bằng một sự đối lập khác, phiến diện, mà là đưa nó vào một hệ thống cao hơn"[1].

Nói đến nghệ thuật dân tộc hôm nay là nói đến những phẩm chất của nó, trong đó có *tính Đảng*. Nội dung của *tính Đảng* hay *tính đoàn thể* được Chủ tịch Hồ Chí Minh nói đến trong cuốn *Sửa đổi lối làm việc (1947)*, trong *Diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I Trường Nguyễn Ái Quốc* (1957) và trong bài *Xem Viện Bảo tàng Cách mạng* (1959) là thống nhất, tức là đặt lợi ích của Đảng trên lợi ích cá nhân, là đạo đức của cán bộ và nhân dân, của Đảng viên và người chưa vào Đảng. Tính Đảng là nguyên tắc đạo lý của con người, nhất là của nhà mácxít. Như vậy, *tính Đảng* không trùng khít với lập trường tư tưởng, mà là động cơ, động lực, là sự thôi thúc bên trong của một công dân. Trong sáng tạo nghệ thuật, có một thời kỳ chúng ta hiểu sai *tính Đảng*, coi như một sức mạnh bên ngoài ap đặt cho chủ thể sáng tạo, nhất là cho các nhà phê bình, nên ít đưa lại hiệu quả xã hội. Những sai phạm về vận dụng *tính Đảng* thuộc về phương pháp chứ bản thân thuật ngữ *tính Đảng* không sai. Nó là phạm trù thẩm mỹ của văn nghệ cách mạng, cần được tiếp tục hiện diện trong sáng tác và

(1) *V.I.Lênin: Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcơva, 1981, t.29, tr.175-176.

phê bình. Ngày nay, khi đường lối đối ngoại của Đảng ta mở rộng với phương châm: "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước" và với nhiều Đảng cầm quyền không cùng ý thức hệ với ta, thì *tính Đảng* cần được đặt ra công khai, quang minh chính đại, làm dấy lên ngọn lửa cách mạng của hàng triệu người, trong đó có văn nghệ sĩ, không sợ sự định kiến lỗi thời của một bộ phận giai cấp bóc lột thiếu đầu óc minh mẫn.

Về *chất thép* trong thơ, trong nghệ thuật của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cần hiểu một cách khoa học. Chất thép của Bác - của nhà nhân đạo chủ nghĩa, không bao giờ đối lập với *tính người*; phẩm chất biết *xung phong* luôn gắn liền với *tình cảm chân thật* của nhà thơ. Ví dụ, bốn câu thơ nổi tiếng trong *Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"*:

Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp,
Mây gió, trăng, hoa, tuyết, núi sông;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong[1].

Cũng cần được hiểu một cách ý nhị, tránh cường điệu và cần tính đến hoàn cảnh cụ thể khi bài thơ ra đời, tức là năm 1943. Nói chất thép trong thơ Bác, tôi liên tưởng đoạn thơ bốn câu với những vần thơ giản dị của

(1) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, t.3, tr.424.

José Marti (1853 - 1895), nhà cách mạng vĩ đại của Cuba: *Làm trai người trí dũng/ Thơ ngắn lại chân tình/ Mang chất thép trong mình/ Thơ luyện thành lưỡi kiếm*. Lời thơ hào sảng, khi số phận hòn đảo tự do đứng trên bờ vực thẳm: *Cuba* và *màn đêm*. Năm 1943, *Đề cương về văn hóa Việt Nam* được công bố, coi văn hóa là một trong ba mặt trận đấu tranh cách mạng của người cộng sản. Nhiệm vụ của những nhà văn hóa mácxít là phải chống văn hóa phát xít, nô dịch và ngu dân. Một trong bốn phương thức vận động của *Đề cương văn hóa* là *tổ chức các nhà văn*. Những câu thơ của Bác viết rất hay, bổ sung thêm một phẩm chất của thơ ca cách mạng, một tố chất của *nhà thơ - chiến sĩ*, nhưng không nên coi *Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"* là "bản tuyên ngôn về thơ ca vô sản nói riêng, về văn nghệ cách mạng nói chung..."[1]. Tuyên ngôn văn nghệ cách mạng rộng hơn và phong phú hơn nhiều, mà chính Bác Hồ đã nói đến rất sớm trong các kỳ Đại hội văn nghệ toàn quốc, trong *Thư gửi Đại hội Văn hóa lần thứ II* (1948), *Thư gửi họa sĩ nhân dịp triển lãm* (1951), *Bài nói với cán bộ văn hóa* (1958),... Ở đây, ta thấy Người đề cập đến hầu hết những nguyên lý, những vấn đề cốt tủy của văn hóa, văn nghệ cách mạng trên cơ sở lấy tự do độc lập dân tộc làm gốc, mà trung tâm là: số phận con người Việt Nam,

(1) *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*, Sđd, t.II, tr.318, 40, 341, 87.

tính người, cốt cách dân tộc, quyền và nghĩa vụ của nhà sáng tác, tài năng, ngôn ngữ tiếng Việt, chữ Quốc ngữ. Người sớm coi văn hóa là một thứ ánh sáng soi đường cho nhân dân, vì văn hóa ăn sâu vào tâm lý quốc dân, văn hóa có thể sửa được những lỗi lầm của con người và nâng con người lên.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nghệ thuật dân tộc còn được thể hiện ở phép biện chứng giữa *đặc điểm dân tộc* và *giá trị phổ biến nhân loại*[1]; giữa *cốt cách dân tộc và tinh hoa thế giới*[2]; giữa *truyền thống hiếu học của dân tộc* và tài sản văn hóa của nhân loại. Chúng có quan hệ hữu cơ với nhau, làm phong phú lẫn nhau. Nhưng, *những cái trước* bao giờ cũng là điểm xuất phát, là chủ thể, là gốc rễ để tiếp nhận *những cái sau* và cùng đi tới một mục đích sáng tạo. Không thể thẩm định, đánh giá một cách khách quan những hiện tượng lịch sử phức tạp, nếu như chỉ xuất phát từ những tiêu chí nghệ thuật cách mạng. Cũng với lôgíc đó, không nên dùng những chuẩn mực của văn hóa nước ngoài, thậm chí của một nền văn hóa tiên tiến, để đo đếm những đặc trưng của nghệ thuật truyền thống nước ta, điều mà Bác Hồ thường nhắc nên tránh. Khi Bác cảnh báo:

(1)(2) Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học, Sđd, t.II, tr.318, 40, 341, 87.

"coi chừng, có nhiều người Việt Nam lại không hiểu rõ lịch sử, đất nước, con người và những cái vốn rất quý báu của mình bằng người nước ngoài..."[1] là Người không chỉ nói lên một sự thật không hay lâu nay của nhiều nhà nghiên cứu đối xử văn hóa dân tộc - một tâm lý méo mó: "Bụt chùa nhà không thiêng" của một số người - mà còn chỉ ra sự lệch lạc về phương pháp luận trong hệ quy chiếu, sự so sánh... trước hết ở những nhà sáng tạo nghệ thuật.

Bởi vì, không hiểu hết các giá trị, nhất là những giá trị thực, giá trị tiềm ẩn do lớp bụi thời gian phủ mờ thì làm sao nhà khảo sát có thể tìm được những "vốn quý báu" nằm rải rác kết chặt trong các loại hình, thể loại nghệ thuật. Tiếp xúc với các giá trị văn hóa nhân loại, chúng ta còn được biết Bác đã đọc sách, gặp gỡ, học hỏi nhiều nhà văn hóa lớn của quốc tế, nhất là những bậc thầy văn hóa nửa đầu thế kỷ XX: Ôxíp Manđenxtam với câu nói nổi tiếng: "Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một dòng văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ một nền văn hóa tương lai" (1923); Ở thời thanh niên Người đã đọc với niềm say mê các kiệt tác của V. Hugô, E. Dôla, A. Phrangxơ...; Còn khi xem tranh hội họa của Picatxô (Picatxô hơn Bác 9 tuổi), Bác thật khiêm nhường

(1) Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học, Sđd, t.II, tr. 426, 405.

chiêm ngưỡng, khó hiểu, nhưng được nhiều người nể, còn lại sự xúc động hiện rõ trên gương mặt trầm tư của Người; Còn cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chí Minh và Sali Saphin thì ít ai biết đến. Đó là vào năm 1911, anh bồi Ba trên chiếc tàu Pháp chạy giữa các nước châu Âu, Phi, Mỹ, anh đã làm quen với phim của nghệ sĩ tài ba này, về sau trở thành bạn của Bác Hồ. Một chuyện lạ khác, khi Bác băn khoăn nói: "Tôi là người học trò nhỏ của nhà văn vĩ đại LépTonxtôi có được không?". Sau khi nghe người đồng nghề đưa cho Người cuốn sách nhỏ của đại văn hào Nga. Bây giờ, Người đọc biết chính xác đó truyện *Đức cha Xecgi (1899)*. Vào những năm 60, các nhà điện ảnh Xô Viết chuyển thành một trong những bộ phim hay nhất, được chiếu rộng rãi ở Việt Nam. Truyện kể như sau: Dưới chế độ Nga hoàng, mâu thuẫn giữa vương quyền và thần quyền nhằm tranh chấp quyền bính, tước đoạt quyền sống người dân. Kasatxki là một sĩ quan, thuộc dòng công hầu tử tước, được vua ưu ái, nguyện chiến đấu để bảo vệ ngai vàng. Nhưng một biến cố xảy ra, Nga hoàng bắt gặp thiếu nữ xinh đẹp (người yêu của Kasatxki), và si mê cô đến cuồng dại. Mất người yêu, Kasatxki chán chường, mất niềm tin vào đấng tối cao và tìm trốn vào tôn giáo để quên đời (trở thành cha Xecgi). Nhưng thiên lý có

quy luật riêng, tạo hóa giúp người lương thiện, đức cha Xecgi gặp cô gái có sức quyến rũ đầy ma lực và hai người sống với nhau trong một cuộc đời như bao đôi lứa khác, rời nơi tu hành, ra đi tìm con đường mới, hạnh phúc nơi trần gian. Triết lý văn hóa của truyện *Cha Xecgi* là sự lên án "thuyết Tạo Chúa", cuộc đời chẳng có chúa nào cả, Chúa là do con người sáng tạo ra để ca ngợi cái Thiện, lên án cái Ác. Chúa đáng được tín đồ ngưỡng vọng, nếu mang lại hạnh phúc cho họ, còn con người như số phận Kasatxki chỉ nạn nhân của trò bịp bợm, đạo đức giả của tên Nga hoàng trong truyện.

II. CON NGƯỜI, SỰ HƯỞNG THỤ VĂN HOÁ VÀ SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

Thành tựu lớn nhất của nhiều thập kỷ đổi mới ở nước ta là giữ vững ổn định chính trị để tiếp tục đổi mới rộng và sâu hơn. Trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, cánh đồng đổi mới đã thu lượm được những hoa trái đầu mùa. Tuy vậy, cuộc sống trong điều kiện kinh tế thị trường và mở cửa giao lưu luôn luôn là mặt biển động. Những cái được đi liền với nhiều nghịch lý, sự tăng trưởng ở một số lĩnh vực kinh tế không ngăn nổi sự xuống cấp về đạo đức, sự tha hóa về phẩm chất, về lối sống... Tất cả những điều nghịch lý đó như những đợt sóng va đập vào con thuyền văn nghệ vốn không mấy yên ả.

Trong thực trạng đầy phức tạp đó, đọc lại những trang viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về văn hóa, văn nghệ, chúng tôi nêu lại và lý giải theo tinh thần mới hai trong rất nhiều vấn đề nóng bỏng hiện nay.

Một là, Dân có quyền hưởng thụ văn hóa; Bác đặt ngay phản đề: "Văn hóa của ta còn loanh quanh trong thành phố, chỗ dễ ăn chứ chưa đến chỗ đồng bào Mèo, đồng bào Mán...". Câu nói giản dị đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị cán bộ văn hóa ngày 30 - 10 - 1958 đến nay đã hơn nửa thế kỷ. Đời sống văn hóa của nhân dân đã được cải thiện một bước rõ rệt, nhất là ở các đô thị. Nhưng ngay cả ở đô thị, trong điều kiện kinh tế thị trường, nhiều hiện tượng đáng lo ngại cũng đang làm vẩn đục môi trường văn hóa. Các loại văn hóa độc hại đang truyền bá tràn lan vào tận giường ngủ của mỗi gia đình. Nhiều loại băng hình, băng tiếng, sách, báo, ấn phẩm có nội dung độc hại đang lưu hành qua con đường nhập lậu. Điều đáng báo động là đối tượng tiếp nhận văn hóa độc hại số đông là thanh, thiếu niên, học sinh. Hiện tượng tiêu dùng vọng ngoại đã sinh ra tâm lý sùng ngoại, phục ngoại, chủ yếu là sùng phục Mỹ một cách vô cớ. Giữa lúc đó thì các tác phẩm văn nghệ cách mạng và tiến bộ của nhiều nước đã biến mất trên các quầy sách. Nhiều bộ phim hay của một số nước công nghiệp điện ảnh như Nga, Ấn Độ, Italia,...

hầu như không được chiếu. Trái lại, những tiểu thuyết như *Cô gái bất kham, Thiên thần nổi giận, Tình địch...* với những nhân vật là những thiếu niên hiện đại, thạo việc, nhưng nổi loạn, phá phách, coi thường đạo lý, thích giết chóc và yêu đương loạn xạ; nhiều bộ phim thương mại với tiếng sét ái tình, tiếng súng nổ, tiếng rít ô tô đuổi nhau với tốc độ chóng mặt... thì được giới trẻ vồ dập[1]. Nghệ thuật quảng cáo thương mại không bỏ lỡ cơ hội để biến các loại áo rẻ tiền thành bảng quảng cáo di động để tuyên truyền cho một hãng buôn, một hiệu thuốc, một "mác" xe hơi, thậm chí một loại giấy vệ sinh,... Những bài hát đầy rẫy những câu thô tục, những âm thanh của loại âm nhạc cụ thể (musique concrète) bắt chước những âm thanh thô kệch ở ngoài đời đang hàng ngày tuồn vào nước ta với mục đích là làm cho lớp trẻ tiếp nhận lối sống tiêu dùng, buông thả.

Trong khi đó, sự hưởng thụ văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn rất thấp. Người dân tộc thiểu số không biết tiếng dân tộc mình, không biết hát dân ca dân tộc mình, không mặc y phục

(1) Ở Mỹ có những rạp chiếu phim nằm trong khu phố "đèn đỏ" để chiếu một loại phim đánh dấu X, được Hội đồng duyệt phim Hollywood xếp vào loại phim đen. Ở Trung Quốc, người tàng trữ một phim đồi trụy bị phạt ít nhất 10.000 tệ, lưu hành loại phim này thì bị án tử hình.

dân tộc trong lễ hội, không hát múa những bài hát, điệu múa dân tộc, mà thay vào đó là nhạc xập xình, nhảy uốn éo, bắt chước những giọng hát đặc sệt chất điện tử. Tồi tệ hơn là do không biết chữ, do trình độ dân trí quá thấp mà một số không ít người tìm đến trú ẩn nơi các tôn giáo và tín ngưỡng phản động. Ở Tây Nguyên, người ta truyền nhau câu "Đảng đi xa, Đức cha lại gần". Theo một nhà nghiên cứu cho biết thì hiện nay có khoảng 3/4 số người Ê Đê, 2/3 số người M' Nông, 1/5 số người Gia Rai đã đi theo đạo Tin Lành.

Còn nhân dân ở nông thôn đối xử với văn hóa ra sao? Phần lớn dân cư nông thôn sống dựa vào nông nghiệp, giá nông sản quá rẻ, trong khi đầu vào sản xuất lại càng cao. Nông thôn Việt Nam chưa hình thành nền sản xuất hàng hóa, cơ sở hạ tầng còn kém. Nhiều nơi chưa có giao thông đường bộ, trường học, điện dân dụng. Những hủ tục nặng nề trong ma chay, cưới xin, lễ hội góp phần làm cho người dân nghèo khó hơn. Đã nghèo, khó thì lấy gì để mua sách, xem kịch, nghe nhạc? Ở nhiều vùng, tỷ lệ mù chữ còn rất cao, một bộ phận đáng kể hầu như chưa được hưởng những thành quả của công cuộc đổi mới[1].

(1) Xem: Nguyễn Công Tan: *Văn hóa và vấn đề phát triển nông thôn nước ta*, báo *Nhân dân*, ngày 20 - 4 - 1997. Mười lăm năm sau, thực trạng trên ở nhiều vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao... cũng chưa được cải thiện bao nhiêu (t.g).

Một bộ phận thanh niên thiếu phương tiện thông tin, sách báo, thời gian rỗi thường tụ tập ở quán rượu, hát karaoke, gây lộn,... để giải trí.

Vào vài chục năm gần đây, do sự phát triển của các loại hình nghe nhìn như video, vô tuyến truyền hình, internet, rồi văn hóa mạng... làm cho văn hóa đọc bị thu hẹp, thậm chí bị lép vế. Số lượng sách các loại được in ra không ít, trái lại gia tăng, chỉ riêng năm 2004, toàn ngành xuất bản đã thống kê khoảng 20. 000 đầu sách, trong đó sách văn học chiếm 1/10. Điều đáng nói là chất lượng sách và số người đọc tiếp xúc với từng trang sách. Số lượng sách, trong đó phần lớn là sách thơ được in quá dễ dãi như "mỳ ăn liền", vô bổ; rồi sách in lậu, sách nhái không đề tên tác giả, nội dung tầm thường, *biên tập qua loa (có khi chẳng có biên tập)*. Sách được bán khắp nơi với giá rẻ và giá khuyến mãi, vậy mà cũng chẳng ai mua, bởi vì họ không biết sách giả hay sách thật, lại nữa không đọc cũng không chết ai, chứ mớ rau, con cá, lạng thịt là cần ngay cho hôm nay. Các ngày hội sách trung tâm triển lãm tại Vân Hồ (Hà Nội), đường Nguyễn Huệ (TP. Hồ Chí Minh) bày la liệt sách đẹp, sách quý, sách in đẹp, bìa trình bày trang nhã không kém gì sách ngoại, nhưng thưa vắng người xem, người mua. Sự thờ ơ của người đọc đối với sách là một sự thật đáng buồn. Đáng buồn hơn, người đọc nhỏ tuổi,

thanh niên rất ít biết đến những cuốn sách hay thậm chí sách được giải thưởng Nôben, giải thưởng Gôngcua đã sớm có mặt trên thị trường sách ở nước ta, có giá trị bồi dưỡng tình cảm và mỹ cảm của người đọc một thời. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các giá trị thông tin đang được lưu hành, sử dụng qua nhiều kênh thông tin, không ai ngăn cản được sự tự do, sự dân chủ hóa tri thức qua internet, qua mạng, qua trang web. Bởi vì, điều đó làm cho giá trị cá nhân gắn với giá trị xã hội và giá trị toàn cầu trở nên gần gũi. Sự đề phòng, cảnh báo những mặt trái của các phương tiện thông tin đa phương tiện là cần thiết, nhưng không thể không thừa nhận sự thua thiệt của văn hóa đọc; thao tác lật từng trang sách dần dần nhường chỗ cho thao tác *nhấn chuột* để tìm kiếm tri thức, thông tin trên mạng. Văn hóa đọc còn có giá trị nữa hay không là tùy ở sự tự giác của người đọc. Người đọc thông minh sẽ tìm thấy những giá trị, những kiến thức không chỉ ở những cuốn sách hay, những sách "gối đầu giường" của một thời, mà còn ở các phương tiện thông tin và truyền thông khác, trong đó có *văn hoa mạng*.

Tuy nhiên, việc gì cũng có thể phát triển theo hai mặt. Mặt trái của văn hóa mạng là những hiện tượng tiêu cực xám xịt. Nhiều hiện tượng lừa đảo, dối trá, bôi đen như phim đồi trụy, thư nặc danh, những cảnh đâm chém nhau,

bôi nhọ, đánh ghen, xuyên tạc những hiện tượng vốn tốt đẹp trong xã hội. Những trang web đen, những blogger tự do quá trớn, dân chủ cực đoan mưu toan với nhiều ý đồ chính trị đen tối gây rối loạn, nhằm ý đồ chống đối chế độ đang yên ổn của chúng ta, cần được nghiêm trị để trở lại bản chất đúng đắn của văn hóa mạng. (Một số tư liệu, con số, hiện tượng nêu trên mà chúng tôi đọc được là nhờ báo chí của các đồng nghiệp - xin thành thật cảm ơn và không trích dẫn).

Hai là, phản ánh là sáng tạo, là cách tân.

Văn hóa nghệ thuật phản ánh hiện thực cuộc sống và tái tạo cuộc sống. Có nhà tư tưởng nói: Nghệ thuật đối với cuộc sống cũng như rượu đối với nho, và chỉ ra rằng, nghệ thuật lấy chất liệu từ cuộc sống, song đã đưa lại một cái gì cao hơn chất liệu ấy và những phẩm chất vốn có trong bản thân chất liệu. Theo lý luận phản ánh, nghệ thuật và cuộc sống là hai phạm trù vừa không hoàn toàn trùng khít, vừa không đối lập nhau. Sức mạnh của chúng là ở sự thống nhất. Hoạt động nghệ thuật để cải tạo con người, là nhờ tác phẩm nghệ thuật không tách rời cuộc sống, trái lại phản ánh cuộc sống một cách có nghệ thuật. Khẳng định lại điều này để ngăn ngừa những quan niệm cực đoan đã từng nảy sinh trong lịch sử văn nghệ: đòi "giải phóng" nghệ thuật khỏi sự thật khách quan và tuyệt đối hóa vai trò

chủ thể sáng tạo; coi sáng tạo nghệ thuật cũng giống như sản xuất hàng hóa, coi thường đặc trưng nghệ thuật, biến tác phẩm thành "tấm gương chết"...

Tuy nhiên, phản ánh hiện thực như thế nào là một vấn đề chưa dễ thống nhất. Để định hướng cho sự sáng tạo hiện nay, chúng ta cần nhắc lại và hiểu đúng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cán bộ nghệ thuật: "Có những người, những việc vô cùng anh dũng, oanh liệt. Đó là những "đề tài" cực kỳ phong phú để cổ vũ đồng bào ta và để giáo dục con cháu ta. Miêu tả cho hay, cho chân thật và cho hùng hồn những người, những việc ấy, bằng văn, bằng thơ, bằng vẽ và bằng các nghệ thuật khác,...".

Từ lời dạy của Bác Hồ, chúng ta suy nghĩ:

- Đối với sáng tạo văn nghệ, Bác rất tôn trọng cá tính sáng tạo của nghệ sĩ. Chưa bao giờ Bác dùng chữ *phải* (miêu tả cho *hay*...), vì sáng tạo là tự nguyện chứ không thể bắt buộc, lại càng tránh cưỡng bức, là đòi hỏi quá trình nuôi dưỡng cảm hứng chủ đạo, sự tự do lựa chọn đề tài và sự xuất hiện *cảm hứng phản xạ*.

- Bác hiểu rõ chức năng thẩm mỹ trong sáng tạo. Bác yêu cầu: miêu tả cho *hay* (hoặc cho đẹp, cho khéo...); nghệ thuật trước hết là nghệ thuật, thơ cho ra thơ... Phẩm chất chính trị thể hiện rõ nhất trong văn nghệ chính là nghệ sĩ phải có tác phẩm hay, đẹp, không hay

không đẹp thì người đọc, người xem cũng quên luôn danh hiệu tác giả.

- Miêu tả cho *chân thật*. Muốn miêu tả cho *chân thật* thì điều kiện tiên quyết là người nghệ sĩ phải có "tình cảm chân thật", "nói lên được tình người" và "phát huy tính cách dân tộc"; còn tác phẩm nên "có nội dung chân thật và phong phú, có hình thức trong sáng và vui tươi. Khi chưa xem thì muốn xem, xem rồi thì có bổ ích". Còn câu này, có lẽ là lời Bác căn dặn các nhà quản lý, các nhà chỉ đạo văn nghệ: "chớ gò bó họ vào khuôn, làm mất vẻ sáng tạo..."[1].

- Miêu tả cho *hùng hồn* chứ không như một số người hiểu là *hùng biện* hay là *hào hùng* chỉ nghiêng về sử thi. Hùng hồn mà Bác nói ở đây là khẳng định mạnh mẽ những người lao động bình thường[2] , miêu tả sâu sắc cái nội tâm, tâm lý của họ, những con người mới, việc mới, đồng thời cũng phải phê bình *rất nghiêm khắc* những cái xấu xa của xã hội cũ như lười biếng, tham ô, lãng phí...[3].

Người nghệ sĩ có thể tìm thấy ở đây cái chung, dù phản ánh mảng hiện thực nào... Đó là *chủ nghĩa nhân văn* đọng lại

(1) *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995, t.II, tr. 345-346, 341, 344.

(2) (3) *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995, t.II, tr. 345-346, 341, 344.

trong tác phẩm xuất phát từ lòng bao dung, nỗi trắc ẩn của bản thân nghệ sĩ, dù có nói đến cái xấu, cái ác cũng vì cái đẹp, điều thiện. Và qua đó, nghệ sĩ mở lối thoát cho con người đấu tranh nhằm chiến thắng cái ác, cái xấu và để sống tốt hơn. Văn học nghệ thuật xưa nay không hề chấp nhận những ý đồ cá nhân, những tâm địa hẳn học đồng bào, đồng sự, thậm chí những mục đích biến tác phẩm thành nơi công kích, bôi đen chế độ với mục đích chính trị đen tối. Văn học nghệ thuật dân tộc ta cũng xa lạ với những ấn phẩm suy đồi, bệnh hoạn với ý đồ đem tâm hồn thác loạn làm lây lan và vấy bẩn sang người khác.

Văn hóa nghệ thuật phản ánh đời sống xã hội là phản ánh con người. Con người trong mối quan hệ tổng hòa mới có những phẩm chất tương ứng với những đòi hỏi của thời kỳ mới. Đó là những con người có cá tính riêng, có nhu cầu sáng tạo và luôn hướng tới tầm cao trí tuệ. Trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, con người Việt Nam đang tỉnh táo đánh giá lại mình và kế thừa những giá trị truyền thống, đồng thời tiếp tục lựa chọn hướng tới những giá trị tiến bộ phù hợp với thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Giai cấp nông dân, giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, những nhà doanh nghiệp chân chính, lực lượng vũ trang và những tầng lớp lao động khác xứng đáng là những

nhân vật trung tâm nhằm giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động, của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước...

Trong lý luận văn nghệ có nhiều nhà lý luận nêu lại vai trò của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Bất cứ văn nghệ sĩ nào, dù ý thức hay vô ý thức, dù muốn hay không muốn, đều để lại dấu ấn phương pháp đó trong sáng của mình. Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa là kết quả sự tìm tòi của cả một tập thể các nhà mỹ học, nhà văn có tên tuổi. Nhờ nó mà nhiều nền văn học đã để lại cho nhân loại không ít tác phẩm cổ điển và nhiều văn nghệ sĩ tài hoa. Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam đã coi chủ nghĩa xã hội hiện thực là một trong những phương pháp tốt nhất để khám phá và miêu tả cuộc sống. Nó có vị trí xứng đáng và bình đẳng với nhiều phương pháp sáng tạo khác, làm nên vẻ đẹp đa diện của đời sống văn nghệ nước nhà. Song, người nghệ sĩ có thể vận dụng những phương pháp khác phù hợp với cá tính sáng tạo và đưa lại tác phẩm tốt, hay, đẹp. Để tôn trọng phương pháp sáng tác và cá tính sáng tạo, chúng ta cần chống xu hướng *không cần nội dung* của tác phẩm như ở một số người trẻ trong giới hội họa, điêu khắc.

Họ thừa thái độ quá tự tin, nhưng lại thiếu tri thức tối thiểu về chủ nghĩa trừu tượng, chủ nghĩa vị lai, chủ nghĩa lập thể và nhiều trường phái rối rắm khác. Tranh, tượng của họ thiếu hình khối, chuộng lạ, chóng chán, tình cờ, vội vã. Những xu hướng đó rất khó đi vào đời sống. Tình trạng sáng tác mất phương hướng trong âm nhạc cũng xuất hiện ở nơi này, nơi khác. Quanh đi quẩn lại vẫn là những giai điệu của "tình buồn", "tình mất", quằn quại, đau khổ, mà thường là đau khổ vô cớ.

Phần thứ hai

ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VÀ VĂN HÓA ỨNG XỬ

I. HỒ CHÍ MINH - NGƯỜI QUY TỤ VÀ BỒI DƯỠNG DANH NHÂN VĂN HOÁ THỜI HIỆN ĐẠI

1. Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu[1]

Cổ nhân có câu: Làm chính trị giỏi cốt ở chỗ được nhiều người tài. Xưa nay nói đến việc trị nước, an dân đều lấy việc dùng người làm gốc, bởi hiền tài là cội gốc của chính sự. Là một nhà mácxít lỗi lạc ở phương Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy nhiều "hạt nhân hợp lý" trong học thuyết Nho giáo để vận dụng vào việc đào tạo, sử dụng nhân tài dưới chế độ mới. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh

(1) Bài viết này chỉ giới hạn một số danh nhân trong lĩnh vực khoa học - giáo dục và chủ yếu là ở Hà Nội.

đã có nhiều chính sách hào phóng, trọng dụng, biệt đãi những nhân tài dưới chế độ cũ, được đào tạo từ các nước tư bản chủ nghĩa về nước, song song với việc đào tạo nguồn trí thức mới trung thành với lý tưởng Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Từ những ngày trứng nước của Cách mạng, phải đương đầu với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Người nghĩ ngay tới vai trò quyết định của đội ngũ tri thức. Tầm tư duy rộng lớn về tri thức là nguồn lực sáng tạo và truyền bá tri thức của Hồ Chủ Tịch đã được hình thành khi Người sáng lập Hội *Việt Nam Cách mạng thanh niên*, tiền thân của Đảng Cộng Sản, mà thành phần chủ yếu là trí thức và sinh viên. Các bậc *hiền nhân, chí sĩ* được Bác Hồ đưa lên hàng đầu trong công cuộc kiến thiết. "Kiến thiết cần phải có nhân tài. Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài có đức". E vì Chính phủ nghe không đến, thấy không khắp, đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó tôi xin thừa nhận. Nay muốn sửa đổi điều đó và trọng dụng những kẻ hiền năng, các địa phương phải lập tức điều tra nơi nào có người tài đức, có thể làm được những việc ích nước lợi dân thì phải báo cáo ngay cho Chính phủ biết"(1). Thực hiện dường lối đào tạo nguồn nhân lực để phụng sự

(1) *Hồ Chí Minh Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia 1995, tập 4, tr. 153.

kháng chiến và kiến quốc của Hồ Chủ Tịch, các cấp uỷ Đảng và chính quyền đều có những sách lược, bước đi cụ thể đã tập hợp được một đội ngũ trí thức tài năng, trong đó có những danh nhân văn hoá tiêu biểu. Tuy vậy, nỗi băn khoăn lớn nhất của Hồ Chủ Tịch là tư tưởng thành kiến hẹp hòi, không coi trọng tài năng của giới trí thức cũ, thậm chí bài xích họ của một số người nhân danh tổ chức này, cấp uỷ nọ. Còn đối với Người thì trái lại, bởi vì Người biết rằng, "tài năng là của hiếm"(V.I.Lênin) cho nên dù là ai, quá trình hình thành như thế nào, ngay cả quan lại dưới triều đình cũ... miễn là họ yêu nước, miễn là họ có tài, có đức, có nhiệt tâm với sự nghiệp kiến thiết quốc gia thì đều được trọng dụng. Người đã gặp học giả Hoàng Xuân Hãn để lắng nghe tình hình, tâm trạng của trí thức cũ đối với chính phủ mới. Chính Hoàng Xuân Hãn đã được cử vào phái đoàn đi dự hội nghị trù bị Đà Lạt tháng 4 năm 1946. Trong những tháng ngày ở Pháp (từ 5/1946 - tháng 9/1946) Hồ Chủ Tịch thường có quan hệ thân thiện, gặp gỡ với nhiều trí thức bậc cao. Trước khi về nước, Người gặp giáo sư Hoàng Minh Giám và không quên nhắc cụ Hoàng tìm gặp các bạn thân, tốt, có cảm tình với Cách mạng và giữ quan hệ tốt với họ. Luật sư Phan Anh trong bài "*Tôi đã tham gia Chính phủ Liên hiệp kháng chiến (3/3/1946) như thế nào?* đã hồi ức lại những kỷ niệm sâu sắc về

vị lãnh tụ của dân tộc đối với ông và những người như ông đã vì hoàn cảnh mà phải tham gia Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim. Phan Anh "rất xúc động và cảm kích trước tấm lòng nhân hậu, bao dung của Bác, vì thấy Bác không lấy việc tôi đã tham gia Chính phủ thân Nhật làm điều, mà còn cho tôi là một trí thức yêu nước và được trọng dụng" (Tạp chí *Lịch sử* tháng 12/1988)[1]. Giáo sư Nguyễn Xiển - vị phó Chủ tịch Quốc hội nhiều khoá (từ khoá II đến khoá VII) trong số 8 khoá được dân tín nhiệm (từ khoá I đến khoá VIII) là một đại trí thức yêu nước, được đào tạo nhiều năm ở Pháp với ba bằng cử nhân về toán, cơ học, vật lý đã về nước theo tiếng gọi của Hồ Chủ Tịch: "Bác Hồ bảo làm gì, tôi làm nấy, chẳng từ nan...". Nguyễn Xiển là người khí khái, rất sợ những kẻ ham danh, hám lợi quàng cho tiếng "xu thời?", "phù thịnh", nên có lần ông đã từ chối chức Bộ trưởng Giao thông công chính trong Chính phủ mới và tiến cử ông Trần Đăng Khoa, Đặng Phúc Thông vào vị trí trên... Biết được ý kiến thoái thác, Bác Hồ hồn hậu tiếp chuyện ông: "Nhiều anh em công nhân, nông dân không biết chữ đang phải làm việc hành chính; anh em trí thức lại bảo không. Thế ai làm?... Thì có ai quen đâu!

(1) Ngoài ra chúng tôi còn tham khảo bài: *Hồ Chí Minh và tri thức* của PGS. TS. Bùi Đình Phong trên Tạp chí *Tuyên giáo* số 8/ 2009, các tr. 15, 16, 17.

Vì sự nghiệp chung mà gắng sức cả thôi...!". Sau buổi đó, ông cảm thấy lúng túng, ân hận rồi thưa với Người: "Xin Bác cho tôi được theo ý Bác"[1]. Và thế là Nguyễn Xiển được bổ nhiệm làm Chủ tịch Uỷ ban hành chính Bắc Bộ kiêm Giám đốc Nha khí tượng Việt Nam. Một sự kiện tiêu biểu về phát hiện và trọng dụng tài năng trí thức bậc cao, danh nhân văn hóa của Hồ Chủ Tịch là việc tin cậy giao phó chức quyền Chủ tịch nước cho Cụ Huỳnh Thúc Kháng với lời dặn: "Dĩ bất biến ứng vạn biến" vào tháng 6/1946 trước lúc người rời nước, sang Pháp dự cuộc đàm phán Việt - Pháp khai mạc ngày 6 - 7 - 1946 tại Phôngtennơblô. "Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao" (Hồ Chí Minh) là chí sĩ yêu nước, người đương thời với các danh nhân văn hóa Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp. Cụ là nhà hoạt động chính trị đầy nhiệt huyết, nhà văn hóa lớn am hiểu nhiều lĩnh vực chính luận, báo chí, thơ ca, phê bình học thuật để lại nhiều bài học quý giá trong văn hóa tranh luận, bảo vệ nền quốc học, quốc văn dân tộc, có uy tín rộng lớn trong công luận. Trong những ngày nguy cơ chiến tranh chống thực dân Pháp đến gần, là thành viên Chính phủ liên hiệp kháng chiến và thay mặt Chủ tịch nước, cụ đi kinh lý miền Trung,

(1) Xem thêm bài của Phạm Khải trong cuốn: *99 góc nhìn văn hiến Việt Nam*, tr. 207 - NXB Tông Tấn, 2006.

kêu gọi đồng bào sản xuất, tham gia kháng chiến. Vào Quảng Ngãi chưa lâu, cụ lâm bệnh và qua đời ngày 21/4/1947. Được tin, Bác Hồ vô cùng đau đớn, viết thư gửi đồng bào miền Trung nêu gương cụ Huỳnh, tích cực tham gia kháng chiến. Bài *Điếu* của Hồ Chủ Tịch thấm đượm nghĩa tình đồng chí, đồng thời nói thay niềm tiếc thương tài cao, đức trọng đối với một danh nhân của ba mươi triệu đồng bào.

Giáo sư Ngụy Như Kontum là một nhà vật lý được đào tạo tại Pháp, được Bác Hồ mời về nước tham gia Cách mạng và kháng chiến. Ông là nhà yêu nước, sống giản dị, dễ chan hòa với quần chúng nhân dân. Hòa bình lập lại ở miền Bắc, Nhà nước ta nghĩ ngay tới việc đào tạo lớp tri thức xã hội chủ nghĩa cho sự khôi phục kinh tế và chấn hưng văn hóa. Ông được cấp có thẩm quyền cử làm Hiệu trưởng đầu tiên của Đại học Tổng hợp Hà Nội năm 1956. Trong vị trí công tác của mình, giáo sư đã hết lòng vì công việc, được giảng viên, sinh viên tin yêu và kính trọng. Thế mà giữa lúc tình hình đất nước còn nhiều phức tạp, nhất là sau cải cách ruộng đất, tình hình thế giới có nhiều biến động, một số người nhân danh tổ chức này tổ chức nọ ý định bãi miễn chức vụ của giáo sư. Biết được việc đó, Bác Hồ chỉ thị cho Bộ Giáo dục kiên quyết bảo vệ vị trí

công tác của giáo sư, tạo mọi điều kiện về vật chất và văn hóa giúp ông hoàn thành nhiệm vụ cao cả giữa lúc đất nước còn bị chia cắt; trí thức miền Nam đang hướng niềm tin về phương Bắc.

Giáo sư Hoàng Minh Giám quê làng Đông Ngạc, huyện Hoài Đức (nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Sau khi tốt nghiệp trường cao đẳng sư phạm Đông Dương, ông đi làm nghề giáo ở Huế, Hà Nội, Phnôm Pênh (Campuchia). Sau Cách mạng tháng Tám ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ giao nhiều trọng trách: Thứ trưởng Ngoại giao thay mặt Chính phủ ta nhiều lần thương thuyết với Chính phủ Pháp từ đó cho đến những năm kháng chiến chống Pháp. Từ năm 1955 cho đến khi nghỉ hưu kể có đến mấy chục năm ông là Bộ trưởng Bộ Văn hóa, được Bác Hồ tín nhiệm. Hoàng Minh Giám còn được dân bầu vào Quốc hội nhiều khóa, Ủy viên thường vụ Quốc hội và là Tổng thư ký Đảng xã hội Việt Nam.

Nói đến giáo sư Hoàng Minh Giám không thể không nhắc đến Trường tư thục Thăng Long ở Hà Nội, một trường có uy tín về mặt chất lượng và phương pháp giảng dạy, là nơi hội tụ nhiều trí thức uyên bác. Vào những năm 30 - 40 (TK XX) uy tín của Trường đã được công luận thừa nhận. Những thầy giáo có tiếng lúc bấy giờ

và về sau trở thành những nhà hoạt động chính trị, văn hóa nổi tiếng dưới chính thể Cộng hòa dân chủ như Bùi Kỷ, Võ Nguyên Giáp, Phan Thanh...

Giáo sư, Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn, quê gốc Thừa Thiên Huế; nhiều năm học tập và làm việc tại Hà Nội. Năm 1924, lúc mới 19 tuổi, khi còn là sinh viên khoa văn Trường Cao đẳng sư phạm Đông Dương, ông đã viết báo đả kích và tham gia các phong trào chống chế độ thực dân Pháp. Năm 1926 cùng với thanh niên trí thức Sài Gòn, ông đã sáng lập tờ báo tiếng Pháp *Le Nhà quê*, làm chủ bút tờ L'Annam, vì vậy mà ông bị thực dân Pháp bắt giam.

Năm 1928, sau khi được thả tự do, Nguyễn Khánh Toàn sang Pháp học tập và hoạt động trong phong trào Việt kiều yêu nước. Tại đây, ông được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và trở thành người học trò ưu tú của Người. Năm 1929, ông được Đảng Cộng Sản Pháp giới thiệu sang học tập tại trường Đảng Liên Xô. Sau đó, ông được Đông phương bộ quốc tế Cộng sản giới thiệu làm nghiên cứu sinh sử học tại Đại học Đông phương. Năm 1931, ông được gia nhập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Tất cả những hoạt động của ông trong nhiều năm ở Pháp và Liên Xô đều chịu ảnh hưởng tư tưởng Hồ Chí Minh trên nhiều phương diện.

Ngay trong thời gian kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Khánh Toàn đã có tầm nhìn xa về sự nghiệp giáo dục,

đào tạo, đã thiết kế đề án cho *cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất* với phương châm: học đi đôi với hành, nâng cao trình độ chất lượng chuyên môn kết hợp với lao động sản xuất; đẩy mạnh sự phát triển giáo dục ở vùng các dân tộc thiểu số. Tiếng Việt được coi là ngôn ngữ chính thống và được truyền dạy ở tất cả các cấp, từ tiểu học đến đại học.

Ở Đức ông được tặng danh hiệu Viện sĩ nước ngoài (1975), ở Liên Xô được bầu chọn là Viện sĩ Viện hàn lâm Khoa học nước này (1976) Nguyễn Khánh Toàn là một nhà Cách mạng trung kiên, một nhà bác học với kiến thức uyên thâm trên nhiều lĩnh vực sử học, triết học, ngôn ngữ học. Sự nghiệp học thuật của ông xứng đáng được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh và truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt I).

Một trong những thành viên đã tham gia các Hội nghị ở Đà Lạt và sau đó là Hội nghị Phôngtennơblô do Chủ tịch dẫn đầu (1946) là giáo sư Nguyễn Văn Huyên (1908 - 1975). Quê gốc ở làng Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức ngoại thành Hà Nội. Từ năm 1926 đến 1935 học ở Pháp, đỗ cử nhân văn chương, và cử nhân luật, sau đó là tiến sĩ văn chương đại học Sorbonne (1934). Ông là người Việt Nam đầu tiên đỗ tiến sĩ văn chương tại Pháp. Luận án mang đề tài: *Hát đối đáp của trai gái ở nước Nam*, sau đó là luận án bổ sung. *Dẫn luận nghiên cứu nhà sàn Đông Nam Á*, đã gây tiếng vang ở Pháp và ở Đông Dương.

Sau Cách mạng tháng Tám ông làm Tổng Giám đốc đại học vụ, rồi Bộ trưởng Bộ giáo dục lâu nhất của Việt Nam dân chủ cộng hòa từ năm 1946 đến 1973, là đại biểu Quốc hội nhiều khóa. Ông cũng là thành viên trong đoàn đại biểu do Hồ Chủ Tịch dẫn đầu đi thăm các nước Liên Xô, Trung Quốc và nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc. Nguyễn Văn Huyên là chuyên gia về dân tộc học. Ngoài hai luận văn trên, còn có nhiều công trình có giá trị đều viết bằng tiếng Pháp: Sách có: *Sự phụng thờ thần thánh ở nước Nam (1944), Văn minh nước Nam (1944),* Bài báo khoa học có: *Hội Phù Đổng; Thành hoàng Lý Phục Nam; Hát múa Ải Lao; Lịch sử thành lập một làng ở Bắc Kỳ, Hát đám cưới của người Thổ ở Lạng Sơn và Cao Bằng; Tết Đoan ngọ - Trung thu - Thanh minh.* Sở trường nghiên cứu của tác giả họ Nguyễn là vận dụng tri thức liên ngành: Sử học, dân tộc học, văn hóa và dân gian với tư liệu phong phú, với phương pháp khoa học, trung thực.

Một danh nhân văn hóa hoạt động trong nhiều lĩnh vực: ngoại giao, quân sự, khoa học, giáo dục có nhiều thành tựu được nhiều thế hệ tôn vinh là Giáo sư Tạ Quang Bửu. Được đào tạo tại nhiều trường đại học Paris, Bordeaux (Pháp) và Oxford (Anh) về chuyên ngành toán học,

về nước từ năm 1936, ngoài việc tham gia truyền bá Quốc ngữ và viết báo, sau Cách mạng tháng Tám ông được Chính phủ giao chức tham nghị trưởng Bộ ngoại giao. Trong kháng chiến chống Pháp, gia đình ông lên Việt Bắc, ông được Chính phủ trao giữ chức Thứ trưởng, rồi Bộ trưởng Quốc phòng, thành viên chính phủ VNDCCH tại Hội nghị Phongtenơblô (1946) và Hội nghị Genevơ (1954). Từ đó về sau với nhiều cương vị khác nhau trong lĩnh vực khoa học và giáo dục, nhất là thời kỳ giữ chức Bộ trưởng Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp (1965 - 1976), ông đã có nhiều đóng góp để lại nhiều dấu ấn quan trọng trong sự trưởng thành của ngành giáo dục và đào tạo nước ta. Tạ Quang Bửu là một nhà khoa học uyên bác: không chỉ có trong toán học lý thuyết, toán học ứng dụng vào sinh học, vật lý học, hóa học mà còn am hiểu nhiều vấn đề phương pháp luận của khoa học xã hội, Tạ Quang Bửu là một nhân cách lớn có đạo đức, một cán bộ Cách mạng, là tấm gương làm theo cần, kiệm, liêm, chính của Hồ Chủ Tịch. Phu nhân của Giáo sư Bửu, bà Hoàng Kim Oanh, trong bài trả lời phỏng vấn tạp chí *Hồn Việt* viết rằng: "Những kỷ niệm về Bác Hồ và Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đối với gia đình chúng tôi hết sức quý giá. Chúng tôi có 6 người con... Tên của những đứa con trai của chúng tôi đều do Bác Hồ đặt cho... Khi tôi bị thương nằm điều trị dài ngày,

Bác rất thương. Mỗi lần đi đâu về, có cái gì quý nhất như mấy lạng mì chính Bác cũng dành cho tôi ăn chữa bệnh. Khi tôi khỏe hơn một chút, Bác hay đến thăm. Những lần có thời gian rỗi, Bác ở lại ăn cơm với gia đình. Tự tay tôi nấu mời Bác những món ăn giản dị"[1].

2. Những bài học

Qua những hiện tượng sử dụng nhân tài, tôn vinh danh nhân văn hóa trong lịch sử, tạo nguồn lực hiền tài cho đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta rút ra bài học:

Phát hiện tài năng: Không phải ai cũng có thể phát hiện tài năng. Phải là người hữu tài, hữu lễ mới có sức cám dỗ, thu phục được người tài. Ở nước ta, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có ý thức sớm phát triển tài năng, đặc biệt là tài năng trong văn hóa văn nghệ. Đến với giới văn hóa, điều ông quan tâm đầu tiên là phải tạo cho từng người một cái gì đó riêng, một cá tính sáng tạo, một bản lĩnh nghệ thuật, một phong cách độc đáo, vì nghệ thuật không phải là sự sản xuất hàng loạt. Còn nhớ cách đây gần 40 năm, dầu hè năm 1966 (TK XX), máy bay Mỹ đang ném bom

(1) Giáo sư Tạ Quang Bửu qua hồi ức của người thân, Tạp chí *Hồn Việt* số 15, tháng 9 - 2008, tr. 14, 15, 16.

ồ ạt xuống nhiều vùng dân cư Hà Nội, trong đó có cầu Long Biên, thì cách chừng một cây số đường chim bay, tại Viện Văn học, phố Lý Thái Tổ, theo chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng, một lớp Đại học Hán Nôm khai giảng trong tiếng gầm rú của máy bay địch, mà người viết bài này cũng có mặt. Đó là một nghịch cảnh, ngay cả đối với người trong cuộc. Giáo sư Đặng Thai Mai, Viện trưởng Viện Văn học kiêm chủ nhiệm lớp. Sau ba năm lớp học đã đào tạo được hơn 50 cử nhân Hán - Nôm vào năm 1968.

Nếu không có tầm nhìn xã hội đối với việc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc của người lãnh đạo, thì làm gì có một đội ngũ chuyên gia Hán - Nôm hàng đầu mà cho đến nay họ vẫn là lực lượng chủ yếu của các trường Đại học và các Viện đang nghiên cứu văn hóa cổ - cận đại một cách có hiệu quả! Ngoài người phụ trách là Giáo sư Đặng Thai Mai còn có Giáo sư Cao Xuân Huy, một học giả uyên thâm triết học phương Đông, phương Tây, là giảng viên chính của lớp Đại học Hán học này. Cả hai vị đều được giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học xã hội (đợt I) là những danh nhân văn hóa của đất nước.

Dụng nhân như dụng mộc: Người xưa nói vậy, Bác Hồ cũng dạy như vậy, được xem một chân lý trong việc đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực hiện đại trong các lĩnh vực nhất là về khoa học, văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Người thợ giỏi thì gỗ to, gỗ nhỏ, gỗ lõi hay gỗ lát đều tùy chỗ mà dùng. Nói chuyện sử dụng nhân tài, đặc biệt là những chính khách lớn, danh nhân văn hóa thì nên lưu ý: hàng đầu là những nhân vật có lý tưởng chính trị sáng suốt, có bản lĩnh vững vàng, có ý chí kiên định, có tư duy chiến lược, có tri thức lý luận và năng lực tổ chức thực tiễn có uy tín lớn trong công chúng và công luận, là những tấm gương cho hậu thế.

Còn đối với những quan lại dưới triều đình cũ, những bậc chí sĩ có chính kiến khác, vẫn được tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh thuyết phục đã đưa lại cho những nhà lãnh đạo nước ta một bài học sâu sắc về *pháp lý dân chủ và pháp lý nhân đạo*, bởi đó là *đạo lý và pháp lý* của con người. Nhớ lại những ngày sóng gió cuối năm 1945 cụ Vũ Đình Hòe, một thành viên của Chính phủ liên hiệp trong bài *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh* có nhắc lại mấy hiện tượng liên quan đến *đức trị* và *pháp trị của* Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Quốc hội đầu tiên do toàn dân bầu cử. Quốc hội và Chính phủ ấy gồm đại biểu nhiều đảng phái khác nhau, thậm chí đối lập nhau về khuynh hướng chính trị, gồm cả cựu Hoàng đế Bảo Đại làm cố vấn tối cao, nhiều Hòa thượng, Linh mục, Giám mục, thậm chí cả vua Mèo. Một biểu tượng đẹp đẽ chưa từng thấy của khối đại đoàn kết toàn dân, mà trong số đó có rất nhiều nhà khoa học danh tiếng, nhiều nhà văn hóa lớn.

Bảo vệ nhân tài: Nhân tài là con người, chứ không phải là một lực lượng tự nhiên vô tận chỉ biết khai thác. Khai thác tài năng phải đi đôi với bảo vệ tài năng. Người xưa nói: "Tri nhân thiện nhiệm", giao đúng việc, giao đúng quyền thì mới hoàn thành nhiệm vụ. Bác Hồ thường dặn vừa hồng, vừa chuyên, đạo đức là gốc với tất cả những tài năng, đặc biệt là những nhà văn hóa lớn, bởi vì họ là tấm gương soi cho các thế hệ sau. Mặt khác, môi trường văn hóa - tinh thần như: cách ứng xử văn hóa giữa cấp trên - cấp dưới, giữa đảng viên và người ngoài Đảng, chính sách tiền lương hợp lý tương xứng với tài năng cống hiến, tôn vinh, khen thưởng nhân tài. Công việc này cần tránh ba khiếm khuyết: bỏ sót, không công bằng, và không kịp thời. Trong nhiều lĩnh vực sáng tạo, các tài năng không phủ định lẫn nhau. Ở đó có đủ chỗ cho mọi người, miễn họ có tài. Các nhà tổ chức, các cơ quan tổ chức của Đảng và Nhà nước chính là bà đỡ cho những hiền tài. Làm được như vậy là chúng ta đã làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình tôn vinh danh nhân văn hóa dân tộc.

II. HỒ CHÍ MINH - VĂN HOÁ ỨNG XỬ NHƯ MỘT MINH TRIẾT VIỆT

Văn hóa ứng xử được hình thành từ khi văn minh phát triển ở một cấp độ nào đó nhằm biểu đạt

cách ứng xử con người đối với thiên nhiên, đối với xã hội và đối với chính mình.

Ứng xử là thái độ, hành vi, lời nói thích hợp trong quan hệ giao tiếp giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Thuật ngữ văn hóa đặt trước ứng xử có nghĩa là tô đậm chiều cao phẩm chất, chiều rộng quan hệ của người ứng xử. Có con người là có cách ứng xử giữa họ với nhau, giữa họ với môi trường sống. Nhưng *Văn hóa ứng xử* được hình thành từ khi văn minh phát triển ở một cấp độ nào đó nhằm diễn đạt cách ứng xử con người đối với thiên nhiên, đối với xã hội và đối với chính mình.

Ở nước ta, dưới các triều đại phong kiến, văn hóa ứng xử chịu ảnh hưởng của Nho giáo. Nho giáo là học thuyết luân lý nhập thế rất sâu, tạo nên những áp lực tinh thần, tâm lý, niềm tin của con người trong hàng nghìn năm. Đối với vua là "trung quân ái quốc"; đối với cha mẹ là hiếu đễ; thầy giáo là đối tượng được tôn vinh ở vị trí thứ hai sau vua và trước cha (quân, sư, phụ). Nho giáo coi *lễ* là hạt nhân của tư tưởng thống trị, là danh phận của đẳng cấp phong kiến. Lễ trong quan niệm của Khổng Tử là sửa mình, khôi phục lễ là nhân (khắc kỷ, phục *lễ* vi nhân). Các nhà tư tưởng nho giáo chủ trương cai trị dân bằng *lễ (lễ trị)*, bởi tiêu chí của giai cấp thống trị bắt mọi người phải làm đúng giáo huấn, những kỷ cương: tam cương, ngũ thường, tam tòng,

tứ đức. Thật nghiệt ngã đối với con người! May thay! Song song với học thuyết đạo Nho, nước ta có một nền văn hóa dân gian sáng ngời chủ nghĩa nhân văn, với triết lý bình dân trong văn hóa nhân đạo, với triết lý bình dân trong văn hóa ứng xử. Nói về truyền thống *nhân nghĩa* chúng ta có câu: "Tình sâu nghĩa nặng", "Tình làng nghĩa xóm", "Thấu lý đạt tình". Lý giải về ý thức cộng đồng, người dân viện dẫn: "Chung lưng đấu cật", "Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao", "đông tay hơn hay làm". Giá trị của lòng bao dung, khoan hòa, tâm lý sống bình yên được kết tinh qua nhiều thành ngữ: "Thương người như thể thương thân", "một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ", "vì tình, vì nghĩa không ai vì đĩa xôi đầy", "an cư lạc nghiệp", "an khang hạnh phúc...".

Là một nhà hiền triết, khi tiếp nhận những giá trị của triết thuyết phương Đông, Bác Hồ là người đầu tiên sử dụng phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác, thừa nhận những "hạt nhân hợp lý", gạt bỏ những rào cản phi lý của Nho giáo. Trong ngũ thường (*Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*), Người không nhắc chữ lễ, bởi phạm trù lễ bao gồm *tam cương* (vua tôi, cha con, vợ chồng), *tam tòng* (phụ nữ ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con). Ngũ thường được Bác Hồ vận dụng vào gồm năm đức tính của người cách mạng: (*Trí, Tín, Dũng, Nhân, Liêm*)

Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa ứng xử thật phong phú. Nó bao chứa ít nhất ba bình diện: văn hóa ứng xử đối với thiên nhiên, đối với xã hội, đối với chính mình.

Thiên nhiên là một trong hai nguồn lực cơ bản của phát triển. Người ta nói, nếu nguồn lực con người (human capital) là loại vốn đặc biệt, có khả năng tái sinh, là yếu tố *đầu vào*, là mục tiêu và trung tâm của phát triển, thì nguồn lực tự nhiên (naturel capital) là tài nguyên vô tận do thiên nhiên ban tặng: Rừng vàng, biển bạc, núi cao, sông sâu, đất đai phì nhiêu, kênh rạch chằng chịt,... Tài nguyên thiên nhiên còn là do con người sáng tạo, bồi đắp vì sự mưu sinh. Cái khéo của hóa công chưa bao giờ bị con người từ chối, trái lại, con người đã dùng sức lao động và trí tuệ thông minh của mình để "chung sống" với thiên nhiên, thân thiện hài hòa với màu xanh, khí trời, sương sớm bình minh, chiều tím hoàng hôn. Rừng Việt Nam được quốc tế đánh giá cao về đa dạng sinh học, chủng loại, họ, nhóm thực vật. Biển Việt Nam đã có chiều dài trên ba nghìn cây số với nhiều cảng thị sầm uất, bãi tắm, địa danh du lịch sinh thái nổi tiếng tạo một nền *văn hóa biển* quý giá. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên chứa đầy mâu thuẫn. Con người thoát thai từ thiên nhiên, nhờ thiên nhiên mà sống và lao động, phát triển, thế mà con người lại đang tâm phá hoại rừng, biển, có lúc lại "tự hào" coi mình đã "chinh phục

được thiên nhiên". Thực trạng đó đã gây nhiều thảm họa, nhất là trong thời đại công nghiệp hóa, khi khoa học, công nghệ phát triển, người ta đã dùng mọi phương kế để khai thác kiệt quệ thiên nhiên với mục đích chạy theo lợi nhuận và lợi ích cục bộ. Liên quan tới văn hóa ứng xử đối với môi trường tự nhiên và môi trường sinh thái, chúng tôi nêu hai hiện tượng đáng báo động đỏ. Con số 1.728 vụ gây ô nhiễm môi trường sinh thái được nêu ra trong *Báo cáo Chính phủ* tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIII (11 - 2011) nhưng chỉ mới khởi tố khoảng 150 vụ. Các khu công nghiệp tập trung, các làng nghề, tình trạng ô nhiễm nước, không khí, đất đai trở nên cực kỳ nghiêm trọng. Người dân bức xúc kêu cứu tình trạng cuộc sống bị đe dọa: Một số làng gần nơi sản xuất công nghiệp có mức độ ô nhiễm cao, tuổi thọ trung bình của người dân thấp hơn 10 năm trước. Tại các làng nghề sản xuất, tái chế kim loại, chế biến nông sản, tỷ lệ người mắc bệnh thần kinh, hô hấp, da liễu, điếc, ung thư, bệnh phụ khoa, bệnh tiêu hóa, viêm da,... tăng lên rõ rệt. Ấy thế mà phía chủ thể gây tai họa lại "bình chân như vại", thậm chí là vô cảm, coi như vô can. Tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách mà không tính đến số kiếp con người là sự tăng trưởng thua thiệt. Nạn chặt phá rừng, đốt trụi nương rẫy, khai thác lậu khoáng sản, cướp đất công để kinh doanh bất động sản... được các nhà quản lý, chính quyền

địa phương bảo kê, dung túng làm càn, mặc dầu họ không phải, không biết tác hại của nạn "chảy máu rừng", đốt phá rừng là "ngõ cụt sinh thái" (imfasse écologique) đã gây nên những biến động khôn lường của thời tiết như nhiều năm nay, nhất là ở miền Trung.

Vậy làm thế nào để ngăn ngừa thực trạng khủng hoảng môi trường sinh thái dẫn đến thảm họa cho đời sống an bình, cho môi trường văn hóa? Về nhận thức, hãy coi môi trường tự nhiên, môi trường sinh thái gắn kết với nhau, con người không được hành xử manh động, thô bạo, can thiệp mù quáng, mà phải dựa trên nhận thức đúng đắn quy luật khách quan của nó. Ngày nay, các nhà môi trường học coi cách ứng xử đó là sự thân thiện. Từ nhiều trăm năm trước, nhà triết học, nhà văn người Anh Francis Bacon (1561 - 1626) đã nói: "Muốn làm chủ thiên nhiên là phải vâng lời nó", tức là khi đụng chạm tới đất đai, rừng biển, sông suối... các nhà chức trách phải có chủ trương đúng đắn, đồng bộ, vừa có lợi cho quốc kế, dân sinh, vừa không để ảnh hưởng xấu đến khí hậu vùng, phòng ngừa mọi tai biến, sự "trả thù" của thiên nhiên.

Lùi sâu vào lịch sử nước ta, văn hóa ứng xử được con người dự cảm về mối khoan hòa giữa tự nhiên và con người, giữa cảnh và tình, thường được miêu tả trong nhiều tác phẩm nghệ thuật. Người bình dân quanh năm vất vả

với miếng cơm manh áo vẫn nghĩ tới, dù là mơ hồ, về cảnh quan thiên nhiên xung quanh nơi ở, đường làng, ngõ xóm, cây đa, khóm trúc gắn với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, đạo đức làm người. Người cao niên thường khuyên con cháu tránh bắt chim non mà mắc tội, không được "hái lộc" để cây xanh trụi lá, khuyên thả chim, thả cá vào các dịp lễ hội. Họ thường coi *đất* là biểu tượng sự sinh sôi, điềm lành, điềm tốt: "Đất lành, chim đậu", "Đất thiêng, người hiền", hoặc răn đe những kẻ vô tình, vô cảm phá hoại môi trường sinh thái: "Đất có thổ công, sông có hà bá", "đất có lề, quê có thói"... Tâm lý "Nhớ màu xanh", nhớ "rừng chiều", "quê cũ" thường có ở những người thành thị. Người ta thường nghĩ ra phương thức "Kiến trúc cộng sinh", tức là đưa cảnh quan thiên nhiên vào nơi ở. Một *khóm trúc quân tử, một chậu tùng trượng phu, một cây đào thế, mấy giỏ phong lan* ở các cửa sổ không chỉ làm "xanh hóa" môi trường sinh thái, mà còn nói lên tình cảm, nhân cách, hoài vọng của con người đối với tự nhiên.

Có nhiều chuyện để nói văn hóa ứng xử của cá nhân đối với xã hội. Bức xúc nhất, cập nhật nhất là văn hóa giao thông đô thị. Quá trình đô thị hóa đặt ra ở nhiều nước, *một mặt* là xây dựng hạ tầng cơ sở, quy hoạch đồng bộ các phương tiện phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, kiến trúc bộ mặt đô thị, *mặt khác*, phải tính đến sự gia tăng dân số,

sự quá tải của giao thông, môi trường sinh thái và môi trường nhân văn. Nước ta cũng không nằm ngoài quy luật đó. Cần phải có nhiều kế sách để việc đi lại ở các đô thị đông dân, phương tiện tham gia giao thông đa dạng, diện tích mặt đường hẹp, vỉa hè bị lấn chiếm... mà vẫn thông suốt. Bài toán chưa có lời giải đáp: tại sao ở các nước đang phát triển cũng có thực trạng như nước ta, mà nạn kẹt xe được giải quyết, những vụ tai nạn bị kiềm chế, cách ứng xử có văn hóa khi không may xe cộ va chạm với những lời "xin lỗi", "cám ơn" đã làm cho hai phía đều vui vẻ? Còn ở nước ta, theo thống kê của các cơ quan thông tin đại chúng, mỗi năm có đến vài chục nghìn người tử nạn và trọng thương. Cách ứng xử vô văn hóa của một bộ phận không nhỏ người tham gia giao thông đã dẫn đến tình trạng không ai nhường ai, đổi lỗi cho nhau, thiếu ý thức tự giác khi mình có lỗi, không tôn trọng số đông nghiêm chỉnh, coi thường kỷ cương đường phố. Thậm chí nạn vô cảm, "sống chết mặc bay" trước cảnh đồng bào bị nạn, bị móc túi trên xe buýt, thậm chí một số người chứng kiến cảnh đau lòng đó không chung tay, góp sức để giải quyết hậu quả cùng với nhà chức trách, trái lại còn "hôi của" của nạn nhân. Tìm nguyên nhân, tại sao đên nông nổi này giữa thanh thiên bạch nhật? Chủ nghĩa vị kỷ, sự khủng hoảng niềm tin, tâm lý chạy theo đồng tiền bất chính,

sự coi thường phép nước... Tất cả đều không sai, đều đúng, nhưng cốt lõi là ý *thức thiếu tự giác* trong văn hóa giao thông. Con người có gốc gác là động vật có ý thức, có mục tiêu giá trị, luôn luôn lấy chữ *thiện* (vốn là bản chất người) để răn mình, khuyên người. Bất cứ hành xử một điều gì trước khi hoạt động, con người đều đặt câu hỏi: làm gì và làm như thế nào? Trái lại, các động vật là *vô ý thức*. Các tôn giáo lớn sở dĩ được nhiều người sùng ái chính là vì lấy chữ *thiện* để giáo hóa các tín đồ. Thất nhân, thất đức, bất hiếu, bất trung chính là hậu quả của cái ác, là quy luật muôn đời, là quả báo đối với những kẻ vô lại, bất lương. Hãy cảnh giác và loại trừ chúng khỏi đời sống tinh thần của chúng ta.

Một thực trạng khác để lại hậu quả xấu lâu dài, nghiêm trọng, phổ biến trong xã hội ta là nạn tham nhũng, hối lộ, lãng phí của công. Những hành vi này chủ yếu tập trung ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức có quyền. Chúng vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của sự *tha hóa quyền lực* (C.Mác), tâm lý hưởng thụ, chạy theo đồng tiền, nếp sống xô bồ, thác loạn, vơ vét của công với suy nghĩ nông cạn "tư duy nhiệm kỳ", có sự bảo đảm khi "hạ cánh an toàn". Trên thực tế, thực trạng đó đã xô đẩy một bộ phận cán bộ đương chức biến thành những con người có tâm lý căng thẳng, lo lắng, bất an, sống thiên về

lý trí, vô cảm, lạnh lùng trong giao tiếp, làm nghiêng lệch nhu cầu văn hóa của con người. Họ chính là thủ phạm và là nạn nhân của thực trạng trên khi bị pháp luật trừng trị. Vì mục đích lợi nhuận, họ coi thường những giá trị tinh thần, giá trị nhân văn trong mọi quan hệ xã hội. Các cơ quan hữu trách về pháp luật, về an ninh, về tổ chức đã có hàng trăm biện pháp để ngăn ngừa các loại tội phạm, nhưng chưa thật hiệu quả do cơ chế lỏng lẻo, thực thi pháp luật thiếu nghiêm minh, trong đó nổi lên cơ chế kiểm tra, kiểm soát chống tham nhũng lại nằm trong bộ máy đảng, chính quyền. Tình trạng này đã được kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIII phát hiện và bàn bạc, đi tới thống nhất, trả lại sự khách quan, minh bạch của cơ chế, cơ quan chống tham nhũng. Tin tưởng rằng, cuộc đấu tranh này sẽ tiếp diễn quyết liệt và chắc chắn sẽ có hiệu quả.

Giá trị cao nhất của mọi giá trị văn hóa chính là con người, con người có nhân cách văn hóa. Sự hoàn thiện nhân cách là chiến thắng lớn nhất của văn hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng, cuộc chiến đấu vì *nhân phẩm* và *tự do* phải đặt lên trên mọi cuộc chiến đấu khác. Tính kinh điển, tính thời sự câu nói triết lý của Người thật hữu ích đối với con người hôm nay. Văn hóa ứng xử của cá nhân đối với chính mình tóm tắt hai chữ: "tri kỷ" (biết mình), là giá trị làm công dân,

mà mỗi người tự xác định, tự giác thực hiện chứ không chờ sự cưỡng bức của luật, sự nhắc nhở của quy chuẩn xã hội. Ở các nền văn hóa khác nhau có hệ chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung. Đó là sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương đối với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ. Trong văn hóa phương Đông, Khổng Tử khuyên mọi người tu tâm dưỡng tín với sáu chữ: "Nhất nhật tam tĩnh ngô thân". Đối với người Nhật, nhân cách văn hóa được công thức hóa: *Thiện, Ích, Đẹp*. Nước ta coi trọng mục tiêu giá trị: *Chân, Thiện, Mỹ*. Ở châu Âu người ta nói tính cách, khi bàn giá trị nhân cách tiêu biểu dân tộc. Tính cách Nga được thể hiện ở lòng đôn hậu, tình thủy chung, nghĩa cử quốc tế cao cả. Khẩu hiệu: "Tri thức là sức mạnh" (Knowledge is power) được nhiều nước tư bản châu Âu viện dẫn và ảnh hưởng tới hành động đã mấy trăm năm. Bí quyết hàng đầu của người Do Thái là sự trọng học, đề cao vai trò của trí tuệ, tôn sùng học vấn và tài năng. Để con gái lấy được học giả, hoặc lấy được con người là học giả làm vợ thì không tiếc tài sản. Tuy nhiên, họ cũng coi tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào chú lừa chỉ biết thồ trên lưng sách vở. Ở các gia đình người Do Thái, tủ sách thường để đầu giường. Một câu chuyện tưởng như giai thoại: Người mẹ Do Thái hỏi con:

- Nếu chẳng may nhà bị cháy, thì con mang theo cái gì?

- Tiền bạc, của cải quý. Người con trả lời.

- Người mẹ chữa lại: Không, không phải. Chỉ có trí tuệ, vì trí tuệ làm nên tất cả, nếu như con còn sống, nó mãi mãi đồng hành với con.

Đối với nước ta, trong bối cảnh xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề văn hoá ứng xử cá nhân được xác lập trên cơ sở tôn trọng giá trị tinh thần phải bình đẳng với giá trị vật chất, có sự hài hoà giữa lợi ích cộng đồng và lợi ích cá nhân, giữa lý tưởng và hiện thực. Ý thức tự giác cá nhân có khi quyết định vận mệnh con người. Không thể một lúc cải tạo được toàn xã hội, nhưng có thể và cần phải tu dưỡng từng bước gập ghềnh của mỗi cá nhân. Đòi hỏi cao của bản thân mình là dấu hiệu văn hoá. Khổng Tử nói câu chí lý về mối quan hệ giữa nói và làm của mỗi con người: "Kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn, quan kỳ hành" (*Luận ngữ*) (Tạm dịch: Nay ta đối với người không chỉ nghe lời nói, mà phải xem xét việc làm...). Ý thức tự giác phải song hành với hành động tự giác. Đó chính là văn hoá ứng xử của cá nhân đối với chính mình một cách hoàn thiện trong bất cứ hoàn cảnh nào.

III. BA BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC CỦA BÁC HỒ (THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT IV KHÓA XI)

Đọc lại những bài viết của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng trong tác phẩm *Đảng cách mệnh* cho đến bài *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân,* chúng tôi thấy Người quan tâm trước tiên là nguồn lực con người, nguồn lực cán bộ, bởi cán bộ là gốc của mọi công việc, đạo đức là gốc của người cán bộ, muôn việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay xấu. Xin được nêu ba bài học: vai trò của dân, văn hóa dân vận và nhân cách văn hóa của cán bộ lãnh đạo trong quan hệ với cộng đồng.

1. Vai trò của dân

Truyền thống dân tộc ta có nhiều kho báu. Một trong những giá trị của kho báu đó là *vai trò của dân* được thể hiện ở nhiều phương diện: lực lượng của dân, ứng xử trọng dân, đền đáp công ơn của dân (*ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày)*, lòng nhân nghĩa cốt ở yên dân (*bạc đầu vẫn phụ tấm lòng yêu dân* - Nguyễn Trãi). Truyền thống đó được Hồ Chí Minh kế thừa xuất sắc, sáng tạo trong điều kiện lịch sử mới kể từ khi giành được độc lập, thành lập nhà nước dân chủ cộng hoà. Đối với những vĩ nhân trong lịch sử như V. Lênin, Hôxê Mácti, Hồ Chí Minh, hoạt động chính trị là phương tiện, văn hoá mới là mục đích.

Khái niệm văn hoá dân chủ không chỉ bó hẹp trong phạm trù cơ chế, phương tiện, quy chế, mà cuối cùng là mục đích của cách mạng: *dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*. Ngay từ khi chưa giành được quyền về tay nhân dân, khi còn ở chiến khu Cao Bằng, để chuẩn bị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Bác Hồ thường dặn đồng chí Võ Nguyên Giáp: "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân, thì kẻ địch không thể nào tìm diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ làm hạt nhân lãnh đạo"(1).

Trong triết học cổ điển phương Đông, Khổng giáo đóng vai trò hạt nhân của ý thức hệ với thế giới quan của kẻ sĩ qua nhiều triều đại. Cho đến nay, khi Trung Quốc đang đi vào hiện đại với mục tiêu trở thành cường quốc mới trên thế giới, thì Khổng giáo vừa là vật cản, vừa là logic của *giá trị đúng* có thể chấp nhận và kế thừa. Trong số các giá trị trường tồn cho đến hôm nay phải kể đến vai trò của dân được ghi trong Thượng thư là *dân vi bang bản*, về sau Mạnh Tử phát triển: *dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh* (việc dân là quan trọng nhất, thứ đến là việc của xã tắc và sau cùng là của vua). Tư tưởng tiến bộ đó đã được Hồ Chí Minh giải thích theo tinh thần mới: lợi ích của

(1) *Bác Hồ về nước*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995, tr. 144. Tư tưởng đó là sợi chỉ đỏ xuyên suốt nhiều bài nói, bài viết, diễn văn, thư chúc tết, thơ văn của Người kể từ Cách mạng tháng Tám cho đến lúc Người ra đi.

nhân dân là trước hết, thế đến là lợi ích quốc gia, còn lợi ích của nhà vua thì không đáng kể. Khổng tử cho rằng, trong ba điều cần của pháp trị nước: *túc thực, túc binh, dân tín* thì *dân tín* là quan trọng hàng đầu. Dân tín sẽ tạo ra thực túc, binh cường. Dân không tin thì thuyền bị đắm, làm sụp đổ cả vương triều. Trong quan hệ giữa dân với thể chế chính trị. Mạnh Tử khuyên nhà cầm quyền phải hiểu theo ý dân: "Dân muốn việc chi, nhà cầm quyền nên cung cấp cho họ, dân ghét việc chi, nhà cầm quyền đừng thi thố cho họ". Tiếp theo là tư tưởng an dân, phải có một hằng sản, một cuộc sống no đủ làm cơ sở.

Những tư tưởng tiến bộ thời cổ đại của các bậc tiền nhân, dù là của Trung Quốc hay Việt Nam đều là những bài học để hôm nay chúng ta xây dựng mô hình cơ chế dân chủ. Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh 91) nêu sáu đặc trưng mà đặc trưng đầu tiên là: *do nhân dân làm chủ.* Điều này khẳng định Cương lĩnh đã thấy được vai trò của dân. Đến đại hội Đảng X (2006), các đặc trưng mô hình CNXH được bổ sung, rồi đại hội XI (2011) được phát triển một bước phù hợp với tình hình mới trong nước và quốc tế, nêu hai đặc trưng hàng đầu: *dân giàu*, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh: do *nhân dân làm chủ.* Về lý thuyết, vai trò của dân là tương đối rõ. Vấn đề còn lại là

mô hình cơ chế vận hành dân chủ nằm ở bốn khâu cơ bản: dân chủ bầu cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp); dân chủ ra nghị quyết (Đại hội Đảng toàn quốc và Đảng bộ địa phương); dân chủ quản lý (nội các và chính quyền các cấp trên cơ sở pháp định); dân chủ kiểm tra, giám sát (Ban kiểm tra Trung ương, Ban nội chính Trung ương, các cấp uỷ, Thanh tra Chính phủ Trung ương đến cơ sở). Tất cả bốn khâu này muốn công việc thực thi trong đời sống có hiệu quả, hợp lòng dân đều phải lấy nhân tố *văn hoá* làm nền; yếu tố *nhân văn* làm mục đích (lợi ích của dân); yếu tố *trí tuệ* để tìm chân lý (thảo luận, tranh luận trong dân, nhất là tầng lớp trí thức); yếu tố *đạo đức* trong cách ứng xử (chính sách an dân, lo cho dân...). Làm được như vậy tức là Đảng và nhân dân tuy hai là một, thống nhất, đồng thuận - biểu trưng cho hai đại nghĩa gặp nhau, tạo nên sức mạnh trường tồn đại đoàn kết để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mà không một kẻ thù nào có thể phá nổi. Đó chính là *văn hoá dân chủ* trong thời đại Hồ Chí Minh.

2. Văn hoá dân vận

Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1956, trong bài Huấn thị cho lớp nghiên cứu chính trị của trường Đại học nhân dân Việt Nam có nói đại ý: thời gian lớp học thì ngắn, nên việc nghiên cứu của các bạn ví như một hạt nhân bé nhỏ, có thể tóm tắt trong 11 chữ sau: "Đại học chi đạo, tại minh

minh đức, tại thân dân. Minh minh đức tức là *chính tâm, thân dân* tức là *phục vụ nhân dân*, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết"[1]. Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta đã sáng tạo nhiều thành ngữ sống mãi cho đến tận hôm nay: *quân với dân như cá với nước; đi dân nhớ, ở dân thương; dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong...* Trong quân đội cách mạng của ta ngay từ đầu kháng chiến gian khổ, ở cả hai giai đoạn chống Pháp và chống Mỹ đã ban hành điều lệnh: "không lấy một cây kim sợi chỉ của dân". Với lực lượng công an nhân dân, trong sáu điều dạy của Bác Hồ có lời giáo huấn thân ái: *đối với nhân dân phải kính trọng, lễ phép.*

Từ sau Cách mạng tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã luôn quan tâm đến văn hoá dân vận. Để xây dựng nước ta từ nền dân chủ cộng hoà thành nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người biết rất sớm, rất rõ sức mạnh, quyền hành, lực lượng ở nơi dân. Tất cả chính sách dân vận của Người và của Đảng vừa tiếp thu tự giác truyền thống *khoan sức dân, an dân, giữ chặt lòng dân* của các vị anh hùng dân tộc, của các vị minh quân, vừa thấm sâu mối quan hệ biện chứng giữa nước và dân, giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo,

(1) *Hồ Chí Minh, Tuyển tập văn học*, tập 2, NXB, Văn học, Hà Nội, 1995, tr. 195, 196.

giữa công quyền và dân quyền. Nhưng tất cả và cao hơn cả đều đi đến mục tiêu: lợi ích vì dân, quyền hạn của dân, trách nhiệm của dân, công việc của dân.

Nói văn hoá dân vận là nói đến mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo công quyền và dân quyền. Điều này đòi hỏi mọi chính sách của Đảng, Nhà nước phải thấm nhuần phương châm giữ chặt lòng dân tức là phải hiểu rõ tâm trạng, nguyện vọng, niềm tin của đối tượng mà mình lãnh đạo. Muốn lãnh đạo có hiệu quả thì cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đã đành, nhưng còn phải có tài năng, cán bộ lãnh đạo càng cao tính gương mẫu càng phải sáng, tài năng phải được phát lộ ở trình độ tổng kết lý luận và phương pháp giải quyết thực tiễn, chứ không nên chỉ nói mà không làm, nói nhiều chuyện vô bổ, thiếu lượng thông tin, lý luận theo kiểu khô cứng, nhàm chán thiếu hơi thở của đời sống nhân dân.

Trong mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân hiện nay có nhiều chuyện đáng bàn, thậm chí có nhiều chuyện hết sức bức xúc, nhạy cảm thật đáng lo ngại. Xin nêu hai hiện tượng:

Một là, hiện tượng xa dân của một số cán bộ: một bộ phận đảng viên cấp cao thường ngại sinh hoạt (trong cơ quan thì với cán bộ nhân viên ngoài đảng; ở khu phố thì với nhân dân nơi cư trú hoặc tổ dân phố). Nếu có sinh hoạt

thì thiếu nghiêm túc phê bình và tự phê bình, sợ ý kiến đóng góp của người ngoài đảng. Trong lúc đó họ có đủ mánh khoé để chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp... không chỉ cho mình mà cho cả phe, nhóm của mình. Họ thường ngại xuống cơ sở, nhưng lại đầy nhiệt tình hào hứng xách cặp đi nước ngoài. Họ vừa giấu dốt, không dựa vào chuyên gia, dị ứng đối với người tài, vừa ít chịu khó đọc sách, xem báo để nâng cao kiến thức. Những cấp Uỷ Đảng ở lĩnh vực khoa học, văn hoá, giáo dục thường ngại kết nạp những trí thức giỏi, vì họ có cá tính, sợ người ta hơn mình. Nguyên nhân của tình trạng thì có nhiều, nhưng rõ rệt nhất là tâm lý hẹp hòi, đố kỵ; thẻ Đảng ở trong túi họ, muốn ban phát cho ai thì người ấy được; còn không, là không; sự quan liêu của thủ trưởng cơ quan trực tiếp; sự trì trệ của các ban bệ thanh tra, kiểm tra cấp trên... Ngay từ bấy giờ (những năm 60 thế kỷ trước), Bác Hồ đã thấy rõ một bộ phận cán bộ "đang mang nặng cái ba lô chủ nghĩa cá nhân".

Hai là, để phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra đi vào đời sống có hiệu lực, người dân cần được thông tin. Không có thông tin, nghèo đói thông tin, thông tin không chính xác, thì nói chi đến chuyện bàn, làm, kiểm tra! Không có thông tin, kiến thức, người dân đứng bên lề chính trị. Nhiều năm gần đây, hiện tượng

tán phát tài liệu bất hợp pháp, xuất bản nhiều cuốn hồi ký xuyên tạc sự thật, gièm pha mạt sát đồng nghiệp, thậm chí phản bội sự nghiệp đổi mới, phủ nhận chủ nghĩa Mác, rồi chuyện tiếu lâm, lành có, dữ có về các vị lãnh đạo cấp cao... vẫn trôi nổi trong dòng chảy công luận. Chưa hết, hiện tượng thi hành kỷ luật những cán bộ tham nhũng, hối lộ, tuyên án một số vụ án hình sự cũng theo kiểu mập mờ, giơ cao đánh khẽ, hôm nay đúng, mai sai, ngày mai lại đúng nhằm bao che cho nhau hoặc để giữ thế cân bằng giữa các phe, nhóm lợi ích vẫn được bàn tán trong dân. Đã đến lúc cần được giải quyết dứt điểm, không để cho tình trạng dân chủ cực đoan làm vẩn đục dư luận xã hội. Muốn vậy, cần dân chủ hoá, công khai hoá một số thông tin nóng. Chúng ta không sợ các loại thù địch lợi dụng. Bởi bản chất chúng là lợi dụng, xuyên tạc, mị dân. Chúng ta chỉ sợ dân không biết đến nơi đến chốn, lẫn lộn trắng đen, đúng sai, không biết đâu đúng để mà tin. Trên thực tế, các cơ quan chức năng không thông tin đầy đủ, có tổ chức, thì người dân sẽ nghe các nguồn thông tin khác qua các kênh truyền thông, qua internet hoặc báo chí nước ngoài. Mất lòng tin vào Đảng, vào chế độ thì một bộ phận chạy trốn tìm đến tôn giáo và các loại tín ngưỡng si mê, cuồng tín, thế là ta mất dân vì không dựa vào dân.

3. Nhân cách văn hoá

Ở nước ta, người nói sớm nhất về nhân cách văn hoá là Hồ Chí Minh. Nếu trong Tuyên ngôn của Liên hiệp thuộc địa, Người đề xướng *phẩm giá con người*, trong *Lời kêu gọi* ở báo *Người cùng khổ*, Người đưa lên mục tiêu sự giải phóng con người, thì trong Di chúc (1969) chúng ta đọc: "...đầu tiên là công việc đối với con người". Giá trị cao nhất của mọi giá trị văn hoá là con người. Sự hoàn thiện nhân cách con người là chiến thắng lớn nhất của văn hoá. Có lần, một nhà báo Pháp, ông G. Môngtarông đã viết: "Cụ Hồ Chí Minh là một chiến sĩ đầu tiên của thế giới thứ ba, của các dân tộc nghèo đói, thèm khát một cuộc sống cho ra người... Cụ dạy rằng, cuộc chiến đấu vì *nhân phẩm* và *tự do* phải đặt lên trên mọi cuộc chiến đấu khác. Nhân cách của Người có sức hấp dẫn kỳ lạ, nhất là đối với bạn bè các nước. Vào năm 1952, tại Đại hội XIX Đảng cộng sản Liên Xô, sau bài diễn văn ngắn gọn của Người về thực trạng cuộc chiến tranh, nỗi khổ và nỗi đau của dân ta, đã gây xúc động mạnh đến nhiều nhà lãnh đạo. Đồng chí Xtalin, ôm hôn Người hồi lâu. Còn thủ tướng Đức đầu tiên đồng chí Ôttê Grôttơvôn không nén nổi sự đồng cảm: "Trong đôi mắt ấy (của Hồ Chí Minh) có nước mắt và có lửa. Lửa của niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam". Từng người là giá trị nhân cách

mà mỗi người tự xác định, tự giác thực hiện theo các hệ chuẩn xã hội. Ở các nền văn hoá khác nhau có hệ chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có *giá trị chung*. Đó là sự lao động chăm chỉ và có tay nghề, trung thực trong giao tiếp xã hội, có tình thương đối với đồng loại. Đó là những dấu hiệu để phát triển nhân cách. Trong nền kinh tế thị trường, lao động chất xám và lao động cơ bắp đều được coi trọng. Trong triết lý sống, cán bộ lãnh đạo cần làm gương để giáo dục lớp trẻ sự hoàn thiện nhân cách: tôn trọng những giá trị tinh thần cũng ngang bằng với những giá trị vật chất (nếu không muốn nói là hơn). Trong quá trình đô thị hoá có bao nhiêu việc lớn phải làm: quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng và quy hoạch các thiết chế văn hoá, xây dựng tượng đài, xanh hoá đường phố và các công trình công cộng như công viên, trường học, bệnh viện, thực hiện văn hoá giao thông theo những quy chuẩn *cần* và *đủ* từ việc ban hành đồng bộ các văn bản pháp lý, người quản lý đô thị, người cảnh sát giao thông, người tham gia giao thông... Tất cả đều đòi hỏi sự tự ý thức tức là nhân cách văn hoá của mỗi một người. Hồ Chí Minh thường nhắc: "Thực hiện việc tôn trọng nhân cách là làm cho cái tốt trong con người luôn luôn sinh sôi, nảy nở; những cái xấu được dần dần đẩy lùi; làm cho con người trở nên tốt đẹp nhờ tự phê bình và phê bình". Con người không phải lúc nào cũng

tự làm chủ được bản thân nhất là số đông cán bộ lãnh đạo, quản lý nắm trong tay quyền lực về các dự án lớn, tài chính, tiền tệ, đất đai, tài nguyên... nên phải nhờ vào những biện pháp giáo dục, nhưng quyết định là *tự giáo dục*. Hiện nay, nhân dân thích câu nói của người xưa đối với loại cán bộ nói hay, vỗ tay dở: "Kim ngô ư nhân dã, thính kỳ ngôn, quan kỳ hành". Những hình thức xử phạt nghiêm khắc, dù là bằng các chế tài pháp lý cao nhất, dù là bằng phạt tiền rất nặng, suy cho cùng, chỉ là tình thế, nếu như ý thức con người không được "tự kỷ", "tiên trách kỷ" khi vấp sai lầm, thậm chí dẫn đến hành vi vô luân, vô đạo. Một số không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là những kẻ nắm trong tay quyền lực lớn, phai nhạt lý tưởng, đạo đức suy đồi, lối sống buông thả là do họ "đức ít mà ân sùng nhiều, tài ít mà địa vị cao, công nhỏ mà bổng lộc lớn", người xưa cho đó là tam đại hoạ. Nghị quyết Trung ương IV (khoá XI) là tiếng chuông cảnh tỉnh đối với họ và khuyến khích dư luận rộng rãi, sự giám sát công khai của các tổ chức quần chúng. Căn bệnh nan y đã được phát hiện, chỉ chờ những phương thuốc điều trị hữu hiệu. Ở đây đòi hỏi sự kiên quyết, kiên trì, kiên tâm trong tự phê bình và phê bình: một hành vi văn minh, văn hoá, chứ không vùi dập con người. Để xác lập "tư cách một người cách mạng"tức là cái tôi của thế giới bên trong, Bác nêu những chuẩn mực súc tích, dễ hiểu:

"Tự mình phải hy sinh, vị công vong tư, không hiếu danh, không kiêu ngạo, ít lòng ham muốn về vật chất. Đối với người phải: có lòng bày vẽ cho người, với đoàn thể thì nghiêm, đối với việc phải phục tùng đoàn thể"...

Nhân cách văn hoá là cái tôi chân chính, hài hoà giữa lợi ích chung và quyền lợi riêng, giữa cái cộng đồng và cái cá nhân, giữa trách nhiệm và hưởng thụ. Giải quyết mối quan hệ này là một cuộc vật lộn triền miên. Ý thức cá nhân thường quyết định. Không thể một lúc, vài năm cải tạo được toàn xã hội, nhưng có thể cải tạo từng bước gập ghềnh của mỗi cá nhân. Đòi hỏi rất cao đối với chính mình trong tu dưỡng tâm tính là dấu hiệu nhân cách văn hoá.

Phần thứ ba

ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VÀ TRIẾT HỌC ỨNG DỤNG

I. TRIẾT HỌC VĂN HÓA TRONG ĐẠO ĐỨC, NHÂN CÁCH CỦA BÁC HỒ

Triết học văn hóa là thuật ngữ được sử dụng trong triết học phương Tây với nhận thức bản chất và ý nghĩa của hiện tượng văn hóa. Vào những năm 80 của thế kỷ XX, những vấn đề triết học văn hóa được nhiều nhà khoa học Xô Viết ứng dụng và phát triển. Nó là nội dung quan trọng và sang trọng trong triết lý phát triển. Nói quan trọng bởi văn hóa là sự vật, hiện tượng nằm trong giới tự nhiên có quá trình vận động biện chứng: phát sinh, phát triển, biến hóa bất tận, vận động không ngừng. Nói sang trọng, bởi triết học văn hóa giúp cho con người đi từ yếu đuối đến cường tráng, đi từ tất yếu đến tự do, giải nhiều bài toán mâu thuẫn vốn thường xuyên đặt ra trong đời sống tự nhiên và

đời sống xã hội của con người. Trong cuốn: *Biện chứng của tự nhiên*, Ph. Angghen đã phân loại vận động của vật chất thành năm hình thái cơ bản: *cơ, lý, hóa, sinh* và *xã hội* có liên quan tới bài viết này, mà *hệ giá trị đạo đức* do Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra với từng đối tượng người nghe, người thực hiện nhằm giáo dục, rèn luyện phẩm chất, xây dựng nhân cách không chỉ cho cán bộ, đảng viên, mà còn nâng cao dân trí toàn dân.

Triết học văn hóa trong đạo đức Hồ Chí Minh được thể hiện trước hết là trong văn hóa ứng xử: với thiên nhiên, với xã hội, với con người. Văn hóa phương Đông thiên về hướng nội. Chữ *Hòa* trong triết học Khổng giáo được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, hợp với thế nước, lòng dân. Chữ *Hòa* được người xưa dùng nhiều vì là gốc của *Lễ*. Trái lại, *lễ* (trong tam cương) Bác Hồ thường ít dùng, nếu có dùng thì với động cơ sáng tạo để đạt mục đích: *Thiện*. Hòa giải là triết lý của phát triển được tuyên ngôn qua các thời đại, là một giá trị truyền thống lâu đời của cộng đồng đa dân tộc. Ý thức tự cường, lòng tự hào dân tộc là động lực giữ nước, là chiều cao văn hiến mà cốt lõi là hòa hiếu. Chính sách "tâm công" để đối xử với nước lớn của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, phương lược nhìn xa, trông rộng của Quang Trung, đối ngoại thì mềm dẻo, linh hoạt, đó là sách của kẻ thắng để ở bên cạnh nước lớn mà vẫn yên ổn.

Còn chuyện "gươm núi Sóc, cọc Bạch Đằng là điều bất đắc dĩ, chứ không hề có ý thức hiếu chiến, thượng võ. Trong thời đại chúng ta, Hồ Chí Minh và các nhà hoạt động chính sách *hòa* hay *chiến* đều bắt nguồn từ sự đại độ, biết tạo ra những điều kiện để hòa giải nếu cần. Triết lý văn hóa của Hồ Chí Minh hết sức minh bạch và có nguyên tắc: Chấp nhận sự đối thoại giữa các chính kiến, khoan hồng với kẻ thù khi thua trận, kế sách an dân thời hậu chiến, lúc thiên tai, chính sách đại đoàn kết với các dân tộc anh em trong cộng đồng, tôn trọng tự do tôn giáo và tín ngưỡng, tiếp thu tinh hoa văn hóa các nước. Về các triết thuyết tôn giáo có lần Chủ tịch Hồ Chí Minh viết thật lòng: "Tuy Khổng Tử là phong kiến, tuy học thuyết của Khổng Tử có nhiều cái không đúng, song những điều hay trong đó thì ta nên học"[1]. Nho giáo là triết học nhập thế, chủ trương mọi người ai cũng phải lấy tu thân làm gốc, đề cao học vấn, lễ giáo, truyền thống hiếu học. Phật giáo tuyên ngôn: từ bi, bác ái cứu khổ, cứu nạn, coi trọng châm ngôn: "ở hiền, gặp lành", làm điều thiện, tránh điều ác. Đạo giáo khuyên con người sống thanh cao, không màng danh lợi, yêu thiên nhiên và hòa quyện vào thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm bạn, và chính Người là chủ thể sáng tạo thơ văn đã lấy

(1) *(Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, 1996, tr.46).

nguồn cảm hứng từ một ánh trăng, một làn gió, một rặng đào, có chim rừng, nắng sớm, mây bay,...

Còn ngũ thường (*Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín)* Hồ Chí Minh đề cao chữ *Nhân* (Nhân đạo, nhân nghĩa), được nâng thành một triết lý: Chủ nghĩa nhân đạo cách mạng. Ở đây, Bác đã kế thừa luận điểm của Các Mác. Mác nói: "Về thực chất, chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa nhân đạo". Chủ nghĩa nhân đạo mà Bác dùng là những giá trị của con người. Con người là tất cả, là vốn quý nhất. Khi Tổ quốc lâm nguy, Bác nêu cao vị trí hàng đầu của Người trong quan hệ với vũ khí: "Người trước sung sau". *Nhân* là lợi ích của con người, là sự phát triển toàn diện của con người:

"Ham muốn tột bậc của Người là "đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" chứ không dừng lại ở sự ban phát ân huệ như giảm thuế, hạ giá thành sản phẩm, ân xá phạm nhân, tôn trọng bậc cao niên, quan tâm thế hệ trẻ, trọng dụng nhân tài. Bởi chỉ có những hành động đó thì chữ *Nhân* của chủ nghĩa Mác không cao hơn chữ *Nhân* của giai cấp phong kiến. Nền chính trị "đức hóa" theo đạo *Nhân* là một bước tiến của lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại. Tâm đắc của Hồ Chí Minh đối với chính sách thân dân có lẽ bắt nguồn từ những dòng văn này của vị chủ thuyết đạo Khổng: "Người có nước, có nhà không sợ ít của, mà chỉ sợ chia không đều;

không sợ ít dân, chỉ sợ không yên ổn; vì rằng, chia đều thì sẽ không nghèo, hòa mục thì sẽ không ít, yên ổn thì sẽ không nghiêng đổ"[1]. Trong đạo đức chịu ảnh hưởng triết học phương Đông, Hồ Chí Minh thường khám phá nội hàm rộng, khai thác triết lý sâu vào vận dụng giáo dục đạo đức cho cán bộ cách mạng, trước hết là những ai nắm quyền lực quản lý đất nước. Trong *Ngũ thường (Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín)* Người đảo lại trật tự (*Trí, Tín, Nhân, Dũng, Liêm*). Vì sao vậy? Phương pháp kế thừa di sản văn hóa trong nước hay nước ngoài của Hồ Chí Minh thường theo lôgích giá trị của cái đúng, cái hay, loại bỏ cái sai, cái không hợp thời, tuân theo sự vận động giữa cái bất biến và cái khả biến. Các phạm trù *Trí - Tín* trong triết thuyết Khổng Tử không nằm ngoại lề, khi Người biết "tri thức là sức mạnh", khi Người đã đọc Lê Quý Đôn: "Phi trí bất hưng". Không phải vô cớ mà chữ *Trí* được Bác dùng nhiều. Ngay từ những ngày đầu Cách mạng tháng Tám còn ngổn ngang trăm sự của nước Cộng hòa trẻ tuổi, Người đã kêu gọi: Chống giặc dốt, chống giặc đói, chống ngoại xâm. Ba thứ giặc đều đặc biệt hiểm nguy: Vừa có ngoại xâm, vừa có nội phản, nội phản là bọn Việt gian bán nước, nhưng đối với một nhà hoạt động chính trị

(1) Theo Trần Văn Giàu: *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam*, tập I. KHXH, 1973, 303.

lỗi lạc như Hồ Chí Minh, thì thứ giặc "nội phản" trong lực lượng ta đáng sợ hơn nhiều, vì đó là vô hình, đó là dân dốt, kinh tế kiệt quệ. "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Câu này có nhiều nghĩa: - Phải làm cho dân biết chữ, khi đã biết chữ thì họ không đứng ngoài chính trị;

Chống lại chính sách thuộc địa thâm độc của thực dân: "Làm cho ngu dân để dễ trị"; - Có tri thức, có đội ngũ trí thức được coi là nòng cốt mới xây dựng được xã hội mới. Người nói: "Đảng và Chính phủ ta rất quý trọng những người tri thức của nhân dân, vì nhân dân" (*Huấn thị cho lớp nghiên cứu chính trị của trường Đại học nhân dân Việt Nam* ngày 27 - 7 - 1956). Còn chữ *Tín*? Trong ba điều hệ trọng của phép nước từ xưa đến nay đều coi chữ *Tín* là số một (túc thực, túc binh, *dân tín*). Đây là mối quan hệ giữa Chính phủ và dân. Triết lý của chữ Tín đối với Hồ Chí Minh đặt lợi ích của dân là trước hết không có nghĩa là coi nhẹ kinh tế, quân sự. Ý nghĩa sâu xa của câu nói là: Giữ chữ *Tín* trong mọi quan hệ xã hội, nhất là giữa tầng lớp lãnh đạo và người dân. Dân tin sẽ tạo ra sức mạnh: thực túc, binh cường. Dân không tin thì thuyền bị đắm, làm sụp đổ vương triều thống trị. Một xã hội phát triển theo hướng nhân văn luôn luôn coi cái gốc của mọi quyền lực đều từ nhân dân mà ra, và nó trở lại phục vụ nhân dân. Muốn như vậy, phải có lòng tin hai chiều: Chính phủ trọng dân, nghe

dân nói, còn Dân tin yêu, ủng hộ việc thực thi của Chính phủ. Nếu *đạo đức mới* là tấm gương soi gồm những phẩm chất: *cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư* của người cầm quyền vì lợi ích của Dân, thì *pháp trị* dưới chế độ mới phải cấu trúc theo phương châm: Làm sao cho dân biết dân chủ và hưởng quyền dân chủ. Trong quan hệ giữa *đức hóa* và *pháp trị* diễn ra như quy luật của *tất yếu* và *tự do*. Muốn được tự do cần tôn trọng qui luật tất yếu của thiên nhiên, của xã hội. Ngược lại, khi ý thức người dân thực hiện theo những luật lệ, pháp chế, qui chuẩn của xã hội thì con người được tự do, thánh thiện. Đối với Hồ Chí Minh: "Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân", mạnh bằng quyền biến của Dân: "Hễ Chính phủ nào mà làm hại dân chúng, thì dân chúng phải đạp đổ chính phủ ấy đi và gây nên chính phủ khác".

Hơn ba mươi năm bôn ba ở hải ngoại, chủ yếu là phương Tây, Hồ Chí Minh đã tự kiếm sống, tự đấu tranh để làm cách mạng theo chủ nghĩa Lênin , chống chính sách ngu dân với mục đích giành độc lập dân tộc, nhưng Người luôn luôn canh cánh nỗi lo sự xâm lược văn hóa của đế quốc Mỹ và những hành vi thâm học "nền văn minh" Pháp. Người đã tự học trong những trường Đại học của đường đời, của biển cả tri thức nhân loại. Tôi nghĩ rằng, Người ý thức được sớm về những nhược điểm của

phương pháp tư duy trực giác, thiếu khúc chiết, chưa đủ khả năng lập thuyết của các bậc học giả tiền nhân ở phương Đông, làm bị kẹt vào vỏ bọc phong kiến phương Bắc, nên khi gặp chủ nghĩa Lênin là Người "xúc động đến phát khóc lên!", coi đây là con đường giải phóng đồng bào đang bị đọa đày, dân tộc đang bị nô lệ. Ngoài ra, trong tư duy triết học của mình, cũng có sự hội tụ tình cờ giữa phương pháp duy lý thực tiễn với phép biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin mà Người là học trò xuất sắc của R Descartes.

Liên quan đến đề tài triết học văn hóa trong đạo đức Hồ Chí Minh, bài viết này xin được dừng lại ở hai nội dung: *Một là*: Lênin và Hồ Chí Minh với đạo đức nhà báo. Ngay từ những điều kiện lịch sử thời kỳ *tân kinh tế* (NEP), Lênin nêu câu hỏi: Chúng ta thiếu gì? - Thiếu tính văn hóa; sự hiểu biết quản lý... Vậy tính văn hóa nằm ở đâu? - Ở quá trình dân chủ hóa báo chí, bởi trí thức báo chí là cội nguồn có tinh thần dân chủ hơn cả. Nếu biết định hướng thì ngay cả "sự thật khép kín", "sự thật màu xám" cũng có giá trị phản biện hơn "sự giả dối cao thượng", sự tô hồng thành tích. Còn đối với người quản lý, văn hóa, báo chí là công việc khó. Vì đó là quản lý *cái vô hình* (tâm trạng, tâm lý, tình cảm, tri thức, nguyện vọng) của người đọc, người nghe,... và *quản lý các hữu hình, tức chất lượng báo chí*, phải phát hiện cái mới, cái sáng tạo, cái nhạy

cảm của thời cuộc đưa đến cho công chúng. Phong trào *Nêu gương người tốt, việc tốt, người mới, việc mới* được Bác Hồ nêu ra từ năm 1958 là một hiện tượng có ý nghĩa triết học nhân sinh; Tôi tin là Bác đã đọc được ý tưởng của nhà sư phạm Xô viết *Makarencô:* "gương mẫu là cha đẻ của giáo dục". Từ một tia lửa nhỏ của bài học đạo đức, phong trào sẽ thổi bùng thành ngọn lửa ánh sáng cho số đông, cho cộng đồng. Tuyên truyền, quảng bá chưa đủ, còn phải biết tổ chức thực tiễn. Những câu nói giản dị của Người, nhất là đối với giới chức lãnh đạo, giáo dục, trí thức như: *nói phải đi đôi với làm; lý luận phải liên hệ với thực tiễn; học phải đi đôi với hành,...* là phép biện chứng giữa hai nguồn tri thức của nhân loại. Thiếu một, người trí thức sẽ không hoàn thiện, có độ chênh giữa đức và tài.

Hai là, có người hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Sao Cụ không viết sách; cụ trả lời: Một là vì tôi không viết được. Hai là vì thánh hiền phương Đông và phương Tây đã để cho chúng ta khá nhiều sách. Chúng ta chỉ *cần nghiên cứu* và *áp dụng cho đúng hoàn cảnh* là đủ...". Trên thực tế, Bác viết báo rất nhiều bằng nhiều thứ tiếng, báo Pháp, báo Tàu, báo ta và của các nước, báo bí mật, báo công khai, nếu gom góp lại có đến thành nhiều tập sách dày, mà chỉ có một chủ đề: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Về sách, cuốn nổi tiếng nhất là *Lên án đế quốc chủ nghĩa Pháp*, về ký có *Nhật ký chìm tàu*, về kịch có *Con rồng tre* (được câu lạc bộ Pari

diễn nhiều lần, các nhà phê bình Pháp khen hay), về thơ có *Nhật ký trong tù* và nhiều bài ca tuyên truyền cổ động chính sách...

Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với phần lớn những bậc thầy văn hóa châu Âu, châu Á hoặc được biết, được đọc những văn phẩm lớn của họ. Dù đó là danh họa Picatxô với câu nói nổi tiếng về nhân dân ta là "dân tộc của những hiệp sĩ" (1968) hay truyện viết *Cha Xecgi* của Lép. Tônxtôi với nhiều lời tôn vinh một đại văn hào Nga, tự coi mình là người học trò nhỏ của nhà văn vĩ đại; dù đó là Oxip Manđenxtam hay Paven Antôcônxky - nhà thơ lớn Nga, đã dịch *Nhật ký trong tù* với lời ca ngợi Người là "nhà dân chủ, ấp ủ niềm ước mơ về hạnh phúc nhân loại"; dù là đại thi hào Ấn Độ R. Tagarơ hay thơ ngụ ngôn của Laphôngten hoặc *Tây Du Ký*, thơ Đỗ Phủ... thì đối với Người điều trước hết là lời khuyên những nhà khoa học, nhà văn hóa các thế hệ sau cần tiếp cận ý nghĩa các hiện tượng nói trên qua câu nói: "Văn hóa của các dân tộc cần phải nghiên cứu toàn diện, chỉ có trong trường hợp đó mới có thể tiếp thu được nhiều điều hơn cho văn hóa của mình"[1]. Câu nói ấy còn có tác dụng về phương pháp luận cho đến hôm nay, khi việc hội nhập văn hóa đòi hỏi sự tích hợp, sự khái quát cao, chứ không nghiên cứu thiếu tính hệ thống,

(1) Xem: *Bác Hồ với văn nghệ sĩ*, NXb Văn hóa, 1995, tr. 438.

thiếu tính triết luận của văn hóa, văn học. Còn câu nổi tiếng: "Phải phát triển hết cái hay, cái đẹp của dân tộc tức là cùng đi tới chỗ nhân loại" là chạm tới *bản sắc dân tộc, tính dân tộc, những Lôgic giá trị đúng của dân tộc* - là cơ sở, là tiền đề của quá trình tích hợp giá trị văn hóa, hội nhập văn hóa trong điều kiện lịch sử hiện nay. Kiến thức của nhân loại mênh mông như biển, cao như núi, nhưng với Hồ Chí Minh đúng như nhà văn nổi tiếng Oxíp Manđenxtam từ năm 1923 dự báo: "Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa châu Âu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai...". Đúng! Văn hóa tương lai là nền văn hóa của CON NGƯỜI, vì con người, lấy con người làm trung tâm, lấy lợi ích con người là mục đích của sự vận động, sự chuyển định trong ứng xử đối với thiên nhiên, đối với xã hội và con người. Minh triết Việt là ở đó.

II. HỒ CHÍ MINH VÀ TRIẾT HỌC VĂN HÓA PHONG TỤC

Trong tác phẩm *Đời sống mới* với bút danh Tân Sinh, xuất bản 1947, khi nói đến đời sống mới, Bác Hồ đề cập nhiều bình diện của phong tục tập quán, được trình bày một cách thiết thực, dễ hiểu. Hôm nay, đọc lại, tôi thấy có hai quan điểm lớn rất bổ ích cho việc nghiên cứu *văn hóa* và *phát triển*.

Một là, Bác coi con người là trung tâm của văn hóa nếp sống mới: "Người là gốc của làng, nước. Nếu mọi người đều

cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường"[1]. Đúng vậy, khái niệm văn hóa nói chung, văn hóa đời sống mới nói riêng không có trong hoạt động của các loài động vật. Không ai nói văn hóa trong hoạt động của cái kiến, con ong, loài khỉ. Văn hóa đời sống mới là sự chưng cất sức mạnh và tài ứng xử khéo léo của con người. Không phải ngẫu nhiên mà Bác Hồ đề ra phong trào học tập và nêu gương "người tốt, việc tốt", bởi chính họ, một tấm gương người tốt còn hơn một trăm bài diễn văn. Thật xấu hổ khi hiện nay, nhiều cán bộ lãnh đạo nói vừa dở, làm vừa không có kết quả, những bài diễn văn tràng giang đại hải, không có nội dung gây phiền hà cho người nghe.

Hai là, Bác đề ra mấy phương châm của cuộc vận động *Đời sống mới: Kiên trì, thuyết phục, tránh phô trương* và *tự nguyện*: "Lúc số đông quốc dân chưa hiểu, chưa làm đời sống mới thì tuyệt đối không nên bắt buộc. Đến khi đại đa số đồng bào theo đời sống mới, chỉ còn số ít không theo khuyên mãi cũng không được, lúc đó có thể dùng cưỡng bức, bắt họ phải theo"[2]. Điều này không chỉ phù hợp với hoạt động xây dựng nếp sống mới, mà còn đúng với mọi hoạt động văn hóa, điều mà Lênin thường căn dặn các cán bộ Xô Viết: Xây dựng văn hóa cách mạng cần có "*chất liệu*

(1) Hồ Chí Minh: *Các chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh*, tập 5, tr.99.

(2) Sách đã dẫn, tr.108, 109.

văn hóa và *chất liệu con người*". Trong mọi hoạt động, nếp sống mới, không gương mẫu và thiếu tri thức là những điều cần tránh. Mệnh lệnh hành chính, cưỡng bức trong văn hóa là điều không chấp nhận; cần thuyết phục người dân, cần kiên trì giáo dục về ý thức cá nhân. Ở đây đòi hỏi sự tự nguyện tối đa của đối tượng vận động, phong trào mới được lâu dài, vững chắc. Điều đó hoàn toàn khác với sự buông lỏng của những nhà quản lý.

Nội dung của đời sống mới và quy luật kế thừa di sản văn hóa được Bác Hồ tổng kết một cách giản dị, mà sâu sắc: "Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ...; Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý...; Cái gì cũ mà tốt phát triển thêm; Cái gì mới mà hay thì phải làm". Người cũng chỉ cho mọi người thấy sức ì của tập quán: "Cái tốt mà lạ người ta có thể cho là xấu, cái xấu mà quen người ta cho là thường..."[1]. Trên cơ sở những nguyên tắc kế thừa trong văn hóa phong tục, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra, chúng tôi xin được tập trung khảo sát ba nội dung sau đây, và cũng chỉ nêu một vài hiện tượng nóng bỏng trong việc cưới, việc tang và gia lễ.

Việc cưới: Cưới hỏi là việc của từng gia đình nhưng lại phản ánh phần nào bộ mặt văn hóa của xã hội,

(1) *Hồ Chí Minh: Tuyển tập văn học* (tập 2), NXB văn học, Hà Nội, 1995, tr. 169, 152.

trình độ dân trí của một dân tộc. Các đám cưới cổ truyền có rất nhiều nghi thức nhiêu khê: lễ vấn danh, chạm ngõ, ăn hỏi, ăn cưới, nộp cheo, lại mặt, kèm theo là các lễ vật và tiền bạc. Đám cưới cổ truyền có một số nét tích cực, thể hiện truyền thống đạo lý như hiếu đễ với ông bà, tổ tiên, tình cảm gắn bó với vợ chồng, trách nhiệm của công dân đối với cộng đồng làng xã. Việc hôn nhân cổ truyền cũng có nhiều hiện tượng tiêu cực: nạn tảo hôn, tệ thách cưới, tâm lý bắt chước theo người giàu muốn đám cưới to,... Kết quả của việc vận động nếp sống mới trước đây và việc xây dựng gia đình văn hóa mới đã cho ta những nghiệm số lạc quan. Khảo sát một vài xã có truyền thống văn hóa ở tỉnh Bắc Ninh như xã Hàm Sơn (huyện Yên Phong), xã Đình Bảng và xã Đồng Quang (huyện Tiên Sơn), chúng tôi được biết: Trong vòng 20 năm nay, UBND xã Hàm Sơn không đăng ký cho một cặp vợ chồng tảo hôn nào; không có hiện tượng thách cưới (Đình Bảng); chỉ có lễ dạm hỏi, còn tổ chức cưới thì bên trai, bên gái đều lo, không có tục tảo hôn, lấy vợ lẽ (Đồng Quang). Nhưng cả ba xã đều có ăn mừng đám cưới. Cỗ cưới thường từ 50 đến 100 mâm (một mâm có bốn người, giá thành khoảng 50.000 đồng. Tiền mừng cưới khoảng 15.000 đồng - 20.000 đồng/người), phụ thuộc vào kinh tế gia đình. Theo cách giải thích của những người có trách nhiệm việc đến dự đám cưới

là một *biểu hiện cộng cảm,* một hình thức biết ơn những người thân thuộc. (Những con số nêu trên do chúng tôi khảo sát được vào năm 1998 - 1999).

Việc tang: Việc tang là chuyện buồn của gia đình, nhưng còn là việc có liên quan đến tình làng nghĩa xóm, đến xã hội. Lễ tang mang tính cộng đồng cao, "nghĩa tử là nghĩa tận", với sự tham gia tinh thần và vật chất của mọi thành viên trong làng xã, khối phố, dòng tộc. Lễ tang hay lễ hiếu còn là mối quan hệ giữa cái hiện thực và cái siêu thực, giữa người sống và người chết. Trong lễ hiếu truyền thống có những biểu trưng, những phép tắc, nghi thức tôn nghiêm như lễ bái, nhạc hiếu, đi đứng, nói năng, khấn vái người đã khuất... Tất cả đều chuyên chở ý nghĩa vĩnh biệt đầy lưu luyến. Nhằm giảm dần những yếu tố tiêu cực không phù hợp với nếp sống mới, ngày nay, nhiều địa phương đã có những quy ước về lễ hiếu vừa ít tốn kém cho gia chủ, vừa tôn nghiêm trong không khí đầy xúc động của sự chia ly. Khảo sát nếp sống mới tại một vài địa phương ở Nam Định, Bắc Ninh, Hà Nội, chúng tôi thấy bước đầu những hủ tục được hạn chế. Thi hài người chết chỉ để trong nhà 24 giờ đến 36 giờ, không có việc ăn uống linh đình khi quan tài còn để trong nhà, không có tục "lăn đường", "khóc mướn", "mũ rơm", "mũ nấm". Chủ trương xóa bỏ những hủ tục

trong việc tang được cơ quan hữu quan phối hợp đồng bộ, được nhân dân tự nguyện thực hiện tốt ở xã Yên Sơ (Hà Tây), có thể coi là một hiện tượng đáng khuyến khích. Gần một năm nay không còn có cảnh gia đình người chết phải bối rối vì chuyện đau buồn mà phải đi lo cỗ bàn cho khách đến phúng viếng. Tang chủ cũng không phải tiêu tốn tiền triệu cho việc đón đội nhạc hiếu ở nơi xa về, vì đã có đội nhạc của Hội Người cao tuổi phục vụ. Việc đào huyệt cũng đã có tổ chuyên đào huyệt của xã đảm nhiệm.

Gia phong, gia lễ: Nói đến gia phong, gia lễ là nói đến gia đình, hạt nhân của xã hội. Ngày nay, nhất là ở phương Tây, người ta nói đến hiện tượng tan rã gia đình không tránh khỏi, "lối sống gia đình không có hạt nhân", những "lớp đa dạng về cấu trúc" của gia đình tương lai,... Tuy vậy, thế giới hôm nay và ngày mai vẫn có một nhu cầu ổn định và phát triển. Mâu thuẫn trong gia đình phát sinh và được điều chỉnh chủ yếu thông qua các quan hệ đạo đức, tâm lý, tình cảm giữa tứ đại đồng đường: ông bà, cha mẹ, con cái, cháu chắt. Chuyện trong gia đình thường xoay quanh hiếu đễ của con cái, cháu chắt đối với bề trên, tình nghĩa vợ chồng, trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái... Chung quy là ở cách dôi xử với nhau dưới một mái nhà.

Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường, do nhiều tác động của bên ngoài và của sự hội nhập với các nước,

vấn đề gia phong, gia lễ của từng gia đình bị chi phối bởi: nhân tố kinh tế, văn hóa vật chất, pháp luật, lối sống, chất lượng sống, vấn đề công danh, mưu sinh lập nghiệp, chuyện thị hiếu và giải trí.

Có hàng trăm biện pháp để giáo dục thanh niên, thiếu niên và con cái trong gia đình. Thiết nghĩ những biện pháp sau là thiết thực:

- Nên có một bộ sách đạo đức học kiểu mới dùng trong nhà trường, từ hệ mẫu giáo đến cao đẳng, đại học, trong đó có phần đạo đức gia đình.

- Ở nước ta cũng như nhiều nước, từ xưa đã có những công trình nổi tiếng, có tác động sâu rộng đến việc tu dưỡng đạo đức như *Gia huấn ca* (Việt Nam), *Đạo đức Kinh* (Trung Quốc); Éthique (Spinôza),... Đây là những công trình tổng kết có tính chất cổ điển, chuẩn mực, có giá trị lâu dài vượt qua không gian và thời gian trong việc giáo dục đạo đức công dân.

- Nên tham khảo những phương pháp giáo dục có tính chất sư phạm mẫu mực trên thế giới như phương pháp Makarencô (Liên Xô trước đây) trong *Bài ca sư phạm*, phương pháp Môngtêxôri(I-ta-li-a), chủ trương gắn bó lớp trẻ với thiên nhiên, với lao động tập thể và tôn trọng kỷ luật ngay từ bé...

III. ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VÀ TRIẾT HỌC TAM GIÁO Ở VIỆT NAM

Khi bàn về các triết thuyết: Nho, Phật, Đạo ở Việt Nam có liên quan tới quan điểm triết học văn hóa của Hồ Chí Minh, nhiều học giả nước ngoài thường có một số ý kiến khác nhau. Người thì cho rằng, Hồ Chí Minh chuyên chở chủ nghĩa Mác vào Việt Nam bằng cỗ xe Nho giáo; cũng có ý kiến ngược lại. Hồ Chủ Tịch lên án Nho giáo có phần gay gắt. Không trực tiếp biện giải những ý kiến nói trên, trong bài này chúng tôi muốn chứng minh cả Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo đều có ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Hồ Chủ Tịch ở những mức độ không giống nhau, vào những không gian và thời gian khác nhau. Nói cụ thể, Bác Hồ đã tiếp thu những "hạt nhân hợp lý" của cả ba tôn giáo vốn rất phổ cập ở Việt Nam qua nhiều thời kỳ lịch sử.

Ở các vĩ nhân lịch sử và danh nhân văn hoá thế giới, sự kế thừa và sự hội nhập giữa các trào lưu tư tưởng triết học là một quy luật phổ biến. Nhưng cuối cùng những cái tiếp nhận được là những kết quả mang lại điều lợi ích cho nhân dân mình, dân tộc mình, thời đại mình. V.I.Lênin đã ý thức rất sớm điều đó trên *quan điểm lợi ích*. Ngay từ năm 1908, Người viết: "Tôi cho rằng, người nghệ sĩ có thể tìm thấy cho mình nhiều điều có lợi trong bất cứ triết

học nào" (Toàn tập, tập 47, tr.143, tiếng Nga). Đó cũng là nhận thức của Hồ Chủ Tịch khi tiếp cận với các trào lưu triết học phương Đông. Điều này thấy rõ trong nhiều sáng tác vào những năm 40 và nhất là trong các bài nói, văn chính luận đề cập đến đạo đức, lối sống, nhân phẩm của con người mới Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám cho đến khi Người qua đời. Trên quan điểm *lợi ích* của Lênin, Bác Hồ đã vận dụng các triết lý của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo vào đời sống đạo đức của người Việt Nam như thế nào? Và ở những khía cạnh nào?

Nho giáo đã có ở Trung Quốc hơn 2.000 năm nay. Vào Việt Nam dưới thời Ngô, Đinh, Lý, Trần, Nho giáo chưa thịnh và không được trọng thị. Từ thời Lê trở đi Nho giáo mới trở thành quốc giáo. Mặt tiêu cực của Nho giáo thì ai cũng rõ. Đó là tư tưởng trọng vương khinh bá, trọng văn khinh võ, trọng quan khinh dân. Tư tưởng sùng Hán học mù quáng nô lệ; tự cho mình là man di. Trung Quốc là Hoa hạ và cố bắt chước mọi thứ cho *giống* họ. Nhưng vào Việt Nam, Nho giáo đã được bản địa hoá nên có những đặc điểm lịch sử cụ thể sau: Nho giáo nói Trời, nhưng chủ yếu là nói người; lo cho đời sống hiện tại, mà ít nói đến việc thế giới bên kia; không tin vào Đấng Cứu thế nào hết; không gây ra chiến tranh với các tôn giáo khác như Hồi giáo, Cơ Đốc giáo... Nhiều học giả nước ngoài nhận xét rằng,

người Việt Nam vốn không có tín ngưỡng nào đặc biệt sâu sắc không phải không có lý. Là nhà Hán học uyên thâm, Bác Hồ biết sành điều đó. Lại nữa, nội dung chủ yếu của Nho giáo là dạy luân lý để phục vụ cho việc trị quốc, bình thiên hạ. Nói đến cái mà trời cho, được rút lại thành tam cương (quan hệ vua - tôi, cha - con, vợ - chồng), về sau thì còn lại hai: nghĩa vua - tôi, tình cha - con, tức là trung với hiếu. Bác Hồ dùng hai phạm trù này để diễn đạt hai nội dung mới: trung với nước, hiếu với dân. Sớm nữa thì không biết, nhưng từ năm 1948, trong bài thơ *Tặng Võ Công*, chúng ta đọc: "Sự dân, nguyện tận hiếu, Sự quốc, nguyện tận trung". Phần tiến bộ của luân lý Nho giáo được nhiều chí sĩ văn nhân thời trước tiếp nhận:

Có trung hiếu, nên đứng trong trời đất

(Nguyễn Công Trứ)

Trai thời trung hiếu làm đầu

(Nguyễn Đình Chiểu)

Có luân thường mà chủ yếu là ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và *chữ nhân* được coi là phạm trù chủ đạo của năm đức tính ấy. Hồ Chủ Tịch không nói trực tiếp, mà nói cụ thể và khái quát theo những đòi hỏi mới: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Theo chúng tôi hiểu, trong sáu đức tính cần thiết cho cán bộ cách mạng, chữ *nhân* được

Hồ Chủ Tịch nâng thành một triết lý: Chủ nghĩa nhân đạo cách mạng. Chữ nhân mà Bác Hồ thường dùng là lợi ích của con người, là sự phát triển toàn diện của con người. Ham muốn tột bậc của Người là "đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" chứ không dừng lại ở sự ban phát ân huệ như giảm thuế, ân xá phạm nhân, tôn trọng người già, quan tâm tới thế hệ trẻ, trọng dụng nhân tài. Bởi vì, chỉ có những hành động nhân đạo này thì chữ nhân của chủ nghĩa Mác không cao hơn chữ nhân của giai cấp phong kiến. Theo giáo sư Trần Văn Giàu một câu của đoạn *Vi Chính* trong sách *Luận ngữ*, Khổng Tử nói: "Làm chính trị mà dùng đức, thì ví như sao Bắc Đẩu, cứ đứng nguyên một chỗ mà các sao khác hướng chầu về"... Đó là nền chính trị "đức hoá", chính trị theo đạo nhân, một bước tiến của lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại" (*Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam*, tập I, NXB Khoa học xã hội 1973, tr. 303). Trong phạm trù "đức hoá" mà Hồ Chủ Tịch tâm đắc có lẽ là ý này của Khổng Tử... "Người có nước có nhà không sợ ít của mà chỉ sợ không đều, không sợ ít dân, chỉ sợ không yên ổn; vì rằng, chia đều thì sẽ không nghèo, hoà mục thì sẽ không ít, yên ổn thì sẽ không nghiêng đổ". Thì ai cũng dễ liên tưởng câu của Bác Hồ nói đến công bằng xã hội: "Không sợ thiếu mà sợ phân phối không đều, không sợ nghèo mà sợ lòng dân không yên".

Nói Hồ Chủ Tịch đến với Phật giáo và tôn trọng Phật giáo là nói những khía cạnh cấp tiến của thứ tôn giáo này. Phật giáo cũng có bề dày lịch sử 3.000 năm, thì cũng tồn tại ở Việt Nam chí ít trên 15 thế kỷ. Vào Việt Nam, đạo Phật được bản địa hóa, dân gian hóa, bởi vì tuyệt đại đa số Phật tử là nông dân, tiểu thương. Người ta không cần biết những triết lý cao siêu, mà chỉ quan tâm đến việc cầu phúc, chuyện quả báo luân hồi. Triết lý Phật giáo đã biến thành một thứ luân lý từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, hỷ xả... là nội dung có ích cho cuộc đời. Theo giáo sư Trần Văn Giàu, đến đầu thế kỷ XX, sau khi phong trào Cần vương thất bại, vai trò Phật giáo một thời rất nổi bật trong sự nghiệp cứu nước. Nhiều sĩ phu nương cửa Phật là để tham gia các hội kín và phong trào yêu nước. Phật giáo đề cao "vô ngã vị tha" (không vì lợi ích cá nhân, mà vì lợi ích của mọi người) tức là vô tư - chí công. Câu hỏi của vị quốc sư Trúc Lâm: "Dĩ thiên hạ chi dục vi dục, dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm" (lấy ý muốn của nhân dân làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của nhân dân làm tấm lòng của mình) là có gốc từ cụm từ có tính chất phương châm "dân vi bản". Các vua đời Trần cũng dùng, về sau Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng dùng: "Cổ lai quốc dĩ dân vi bản". Nội dung này được Hồ Chủ Tịch cụ thể hóa như: "hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải yêu kính nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của

nhân dân, phải khiêm tốn, gần gũi quần chúng. Phải luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải chí công vô tư và có tinh thần "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ".

Triết lý của Đạo giáo có ảnh hưởng phần nào đến triết lý sống và *nhân cách của Hồ Chủ Tịch*. Nói đến Đạo giáo, chúng ta thường nghĩ đến thuyết "vô vi" theo nghĩa tiêu cực. Thực ra, thuyết "vô vi" của Lão Tử cũng có những yếu tố tích cực. Ông nói: nếu ta vô vi thì nhân dân tự nhiên ngay thẳng, lòng dân hư không, không dục vọng. Đã có vô vi là có hữu vi. Sách *Đạo đức kinh* viết: "nhân dân sở dĩ khó cai trị vì kẻ cầm quyền tích cực hữu vi... Ruộng hoang, kho trống, vậy mà cung thất hoa lệ, mặc gấm mang gươm, ăn món ăn ngon vật lạ, tích lũy nhiều của riêng, đó là kẻ trộm cướp". Nếu xét theo những khía cạnh đó thì tư tưởng Hồ Chủ Tịch không xa lạ với tư tưởng Đạo giáo vừa nêu. Chữ "Đạo" mà về sau bị Trang Tử thần bí hóa, vốn có gốc là "quy luật tự nhiên". Tự Đức nhận xét, trong tư tưởng Đạo giáo thì trăm cái đều sai, chỉ được mỗi cái đúng, đó là tôn thiên nhiên. Các bậc chân nhân của Đạo giáo thường có lối sống rất "biết điều"... "được ít không chê, được nhiều không mừng", "ngủ không mộng mị, thức không lo buồn, ăn không cần ngon", "tâm hồn sáng suốt, dung mạo bình thản", "trán không bị nhăn", "lặng lẽ như mùa thu, ấm áp như mùa xuân, vui vẻ với bốn mùa, hợp với cùng ngoại vật...".

Xem vậy thì cốt cách, dung mạo lối sống của Bác Hồ không xa lạ có dáng dấp đôi nét của các bậc chân nhân, hiền triết ở phương Đông thuở trước. Nhiều người giải thích Bác Hồ phục sức giản dị, ăn uống đạm bạc, không thích sống trong cảnh gác tía lầu son, mà thích ở trong nhà sàn bằng gỗ đơn sơ giữa thủ đô nhộn nhịp là vì Người nghĩ đến đất nước còn khó khăn, mức sống nhân dân còn thấp. Điều đó chỉ đúng một phần. Phần quan trọng là người theo đuổi một triết lý sống cao thượng và trong sạch không màng lợi ích vật chất, mà vì một lý tưởng thanh cao, một chủ nghĩa nhân văn tiến bộ cho mình và cho mọi người. Triết lý sống đó, bản lĩnh độc đáo của một nhà chính trị, một bậc túc nho, một nhà thơ được phản ánh rõ rệt và có hệ thống trong thơ trữ tình của Người. Sống giữa thiên nhiên (*Xem sách chim rừng vào cửa đậu)*, hoà quyện vào thiên nhiên, lấy thiên nhiên làm cảm hứng sáng tạo (Trong thơ Bác Hồ không chỉ có những mô típ trăng, hoa mà còn có: *rặng đào, tuyết trắng, mùa thu, chim rừng, nắng sớm, mây bay...* nhân cách hoá thiên nhiên (*trăng vào cửa sổ đòi thơ..., Gối khuya ngon giấc bên sông trăng nhòm*) để hỏi chuyện để giãi bày để ước mong... là cảm hứng chủ đạo trong thơ trữ tình của Bác Hồ, nỗi ước mong, đôi khi rất giản dị, rất đời thường lại được diễn đạt có pha màu sắc của Đạo giáo:

- *Không bệnh là tiên, sướng tuyệt trần.*
- *Ăn khoẻ, ngủ ngon, làm việc khoẻ.*
- *Trần mà như thế khác gì tiên.*

Nhiều chính khách, văn nhân nước ngoài thường gọi Bác Hồ là vị tiên, ông già tiên phương Đông không phải là không có lý. Và hơn thế nữa như một đạo sĩ chân chính, một đạo sĩ khác xa với các bậc danh nho, ẩn sĩ ưu thời mẫn thế, muốn thoát tục, do không gặp may trên đường đời mà lui về với thú vui ẩn dật. Ông già tiên này lại sinh ra ở một "xứ sở thảo mộc thần tiên" như lời nhạc sĩ trứ danh người Pháp Saint - Saens đã nói. Ngược lại, ông già tiên này vẫn hoạt động cách mạng, vẫn làm thơ, vẫn nhập thế cho đến hơi thở cuối cùng.

Phần phụ lục

MỘT SỐ KIẾN GIẢI CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ TRIẾT HỌC VĂN HOÁ

Ý NGHĨA CỦA TRIẾT HỌC VĂN HOÁ:

I. Ý NGHĨA CỦA VĂN HOÁ:

Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn.

Năm điểm lớn xây dựng nền văn hoá dân tộc.

1. Xây dựng tâm lý: lý cách, tinh thần độc lập, tự cường.

2. Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.

3. Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.

4. Xây dựng chính trị: dân quyền.

5. Xây dựng kinh tế.

II. VĂN HOÁ VỚI CHÍNH TRỊ:

Văn hoá với chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau. Có chính trị mới có văn hoá, xưa kia chính trị bị đàn áp, nền văn hoá của ta vì thế không còn nảy sinh được. Nay nước ta đã độc lập, tinh thần được giải phóng, cần phải có một nền văn hoá hợp với khoa học và hợp với nguyện vọng của dân.

Nói chuyện trong buổi tiếp
ông Nguyễn Tường Phượng (Tạp chí *Tri Tân*).
Ngày 13 tháng 9 năm 1945.
Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử.
NXB Chính trị quốc gia, H. 1993,T.3, Tr.16

III. VỀ THỂ CHẾ:

Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đày tớ trung thành của

nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

(Lời phát biểu tại phiên họp bế mạc Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá I, kỳ họp thứ tư. Ngày 26 tháng 3 năm 1955. T. 7, Tr. 499.)

IV. QUYỀN CÔNG DÂN:

Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà:

Có quyền làm việc,

Có quyền nghỉ ngơi,

Có quyền học tập,

Có quyền tự do thân thể,

Có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình,

Có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào,

Có quyền bầu cử, ứng cử...

Công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Đàn bà có quyền bình đẳng với đàn ông về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình.

(Báo cáo về dự thảo hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 18 tháng 12 năm 1959. T.9, Tr. 582, 586, 590, 591, 592, 593).

V. CẦN KIỆM LIÊM CHÍNH LÀ NỀN TẢNG, NỀN TẢNG CỦA THI ĐUA ÁI QUỐC

Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa, thì không thành trời.

Thiếu một phương, thì không thành đất.

Thiếu một đức, thì không thành người.

CẦN với KIỆM, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người.

CẦN mà không KIỆM, "thì làm chừng nào, xào chừng ấy". Cũng như một cái thùng không có đáy; nước đổ vào chừng nào, chảy ra hết chừng ấy, không lại hoàn không.

KIỆM mà không CẦN, thì không tăng thêm, không phát triển được. Mà vật gì đã không tiến tức phải thoái. Cũng như cái thùng chỉ đựng một ít nước, không tiếp tục đổ thêm vào, lâu ngày chắc nước đó sẽ hao bớt dần, cho đến khi khô kiệt.

Ngày xưa, dưới chế độ phong kiến, những người làm quan không đục khoét dân, thì gọi là LIÊM, chữ liêm ấy chỉ có nghĩa hẹp.

Cũng như ngày xưa *Trung* là trung với vua. *Hiếu* là hiếu với cha mẹ mình thôi.

Ngày nay, nước ta Dân chủ Cộng hòa, chữ LIÊM có nghĩa rộng hơn; là mọi người đều phải LIÊM. Cũng như *trung* là trung với Tổ quốc, *hiếu* là hiếu với nhân dân; ta thương cha mẹ ta, mà còn phải thương cha mẹ người, phải cho mọi người đều biết thương cha mẹ.

Cụ Khổng Tử nói: "Người mà không Liêm, không bằng súc vật".

Cụ Mạnh Tử nói: "Ai cũng tham lợi, thì nước sẽ nguy".

Để thực hiện chữ LIÊM, cần có tuyên truyền và kiểm soát, giáo dục và pháp luật, từ trên xuống, từ dưới lên.

Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp "dĩ công vô tư".

Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ Liêm trước, để làm kiểu mẫu cho dân.

Dìm người giỏi, để giữ địa vị và danh tiếng của mình là đạo vị (đạo là trộm).

Gặp việc phải, mà sợ khó nhọc nguy hiểm, không dám làm, là tham vật úy lao.

Gặp giặc mà rút ra, không dám đánh là tham sinh úy tử.

Đều làm trái chữ LIÊM.

Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm, là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ.

Dân tộc ta đang kháng chiến và kiến quốc, đang xây dựng một Đời sống mới trong nước Việt Nam mới. Chẳng những chúng ta phải cần kiệm, chúng ta còn phải thực hành chữ LIÊM.

Trên quả đất, có hàng muôn triệu người. Song số người ấy có thể chia làm hai hạng: người THIỆN và người ÁC.

Trong xã hội, tuy có trăm công, nghìn việc. Song những công việc ấy có thể chia làm 2 thứ: việc CHÍNH và việc TÀ.

Làm việc CHÍNH, là người THIỆN.

Làm việc TÀ, là người ÁC.

Siêng năng (cần), tần tiện (kiệm), trong sạch (liêm), CHÍNH là THIỆN.

Lười biếng, xa xỉ, tham lam, là tà, là ác.

CẦN, KIỆM, LIÊM là gốc rễ của CHÍNH. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có nhành, lá, hoa, quả mới là hoàn toàn. Một người phải Cần, Kiệm, Liêm, nhưng còn phải CHÍNH mới là người hoàn toàn.

Tự mình phải *chính* trước, mới giúp được người khác *chính*. Mình không *chính*, mà muốn người khác *chính* là vô lý.

(Cần Kiệm Liêm Chính. Tháng 6 năm 1949.
T5, Tr. 631, 636, 640, 61, 642, 643, 644.)

Mục lục

Lời mở

TRIẾT HỌC VĂN HÓA
- MỘT TIỀM NĂNG - MỘT NỘI DUNG
CỦA TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN

I. Bản chất của văn hóa là hòa hiếu 6

II. Ý nghĩa triết học văn hóa qua mấy hiện tượng văn học của Bác Hồ 12

Phần thứ nhất

TRIẾT LÝ PHÁT TRIỂN TRONG QUAN NIỆM
CỦA HỒ CHÍ MINH

I. Phép biện chứng giữa bản sắc dân tộc và giá trị nhân loại trong nghệ thuật của Hồ Chí Minh 15

II. Con người, sự hưởng thụ văn hoá và sáng tạo nghệ thuật 28

Phần thứ hai

ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH
VÀ VĂN HÓA ỨNG XỬ

I. Hồ Chí Minh - người quy tụ và bồi dưỡng danh nhân văn hoá thời hiện đại 40

II. Hồ Chí Minh - văn hoá ứng xử như một minh triết Việt 54

III. Ba bài học đạo đức của Bác Hồ 66

Phần thứ ba
ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH VÀ TRIẾT HỌC ỨNG DỤNG

I. Triết học văn hóa trong đạo đức, nhân cách của Bác Hồ 78
II. Hồ Chí Minh và triết học văn hóa phong tục 88
III. Đạo đức Hồ Chí Minh và triết học tam giáo ở Việt Nam 95

Phần phụ lục
MỘT SỐ KIẾN GIẢI CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ TRIẾT HỌC VĂN HOÁ

I. Ý nghĩa của văn hoá: 103
II. Văn hoá với chính trị: 104
III. Về thể chế: 104
IV. Quyền công dân: 105
V. Cần kiệm liêm chính là nền tảng, nền tảng của Thi đua ái quốc 106

TRIẾT HỌC VĂN HOÁ
TRONG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

GS.TS. HỒ SĨ VỊNH

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Hoàng Cầu - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội
Số ĐT: (04) 6686 0751 (04) 6686 0752
VPGD: Số 45TT2 - Khu đô thị Văn Phú - Quận Hà Đông - TP. Hà Nội
Email: nxbdantri@gmail.com
Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI THỊ HƯƠNG
Chịu trách nhiệm nội dung:
NGUYỄN PHAN HÁCH
Biên tập: **Đặng Dinh**
Sửa bản in: **Thu Hà**
Vẽ bìa: **Nguyễn Thắm**
Chế bản: **Vân Hương**

In 1.000 cuốn, khổ 14.5×20.5cm tại Công ty Cổ phần in Thăng Long
Số ĐKKHXB: 71-2014/CXB/60-01/DT
Quyết định xuất bản số: 71-60/QĐXB/NXBDT
do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 22/1/2014
In xong, nộp lưu chiểu năm 2014